

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024 - 2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2025 - 2026

Năm học 2024 - 2025 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội trong nước có nhiều chuyển biến tích cực; hệ thống chính trị được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước tiếp tục được hoàn thiện, triển khai đồng bộ, tạo nền tảng thuận lợi cho ngành Giáo dục thực hiện thành công nhiệm vụ năm học. Đây cũng là thời điểm toàn ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91- KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; là năm học đánh dấu kết thúc nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, tiến tới Đại hội XIV của Đảng.

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp có hiệu quả của các ban, bộ, ngành trung ương, sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương và sự quyết tâm, trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các cấp, sự cố gắng, nỗ lực của các em học sinh, sinh viên, toàn ngành Giáo dục đã hoàn thành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024 - 2025¹ và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Phần I

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM HỌC

1. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục

1.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

a) Kết quả đạt được

Năm học 2024 - 2025 ghi nhận những bước tiến đột phá trong công tác xây dựng thể chế, chính sách trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Từ tháng 8/2024 đến tháng 8/2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã trình các cấp có thẩm quyền

¹ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các điều kiện bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học 2024 - 2025; Quyết định số 2236/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024 - 2025 của ngành Giáo dục.

ban hành và ban hành theo thẩm quyền 83 văn bản, gồm: 01 Luật và 02 Nghị quyết của Quốc hội; 12 Nghị định của Chính phủ; 11 Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; 36 Thông tư và 21 Quyết định cá biệt của Bộ trưởng (*danh mục các văn bản đã ban hành tại Phụ lục kèm theo*); đồng thời, nghiên cứu xây dựng, trình Bộ Chính trị xem xét, ban hành 01 Nghị quyết; trình Chính phủ 03 dự án Luật để trình Quốc hội vào kỳ họp thứ 10. Các văn bản được ban hành đã tạo hành lang pháp lý quan trọng cho đổi mới và phát triển giáo dục, tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc từ thực tiễn đặt ra; trong đó có nhiều văn bản quan trọng, có tác động lớn đến toàn ngành, như:

- Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (đang trình Bộ Chính trị xem xét, ban hành), trong đó, đề xuất nhiều chủ trương, chính sách nhằm tạo sự bứt phá trong phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18/3/2025 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91- KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Theo đó, Chính phủ đã giao các nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, cơ quan liên quan và các địa phương để triển khai hiệu quả đổi mới giáo dục và đào tạo.

- Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 ngày 16/6/2025 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026). Đây là luật chuyên ngành đầu tiên quy định đầy đủ về vị trí pháp lý, quyền, nghĩa vụ và các chính sách dành cho đội ngũ nhà giáo trong cả nước.

- Nghị quyết của Quốc hội về phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi và Nghị quyết của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các Nghị quyết này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đảm bảo quyền học tập của mọi người dân, giúp thu hẹp khoảng cách tiếp cận giáo dục giữa các vùng miền, đảm bảo công bằng trong giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực của đất nước.

- Các dự án, gồm: dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) và dự án Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) đang được khẩn trương hoàn thiện. Hiện nay, các dự án luật này đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội đồng ý trình Quốc hội xem xét thông qua tại kỳ họp thứ 10 năm 2025.

Bộ GDĐT cũng đã rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, công bố các Danh mục văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ GDĐT hết hiệu lực năm 2024², theo đó có 21 văn bản hết hiệu lực toàn bộ (gồm 03 Nghị định, 18 thông tư và thông tư liên tịch); 01 Nghị định hết hiệu lực một phần; phối hợp với các bộ, ngành thực hiện rà soát xử lý hiệu lực văn bản quy

² Quyết định số 280/QĐ-BGDĐT ngày 23/01/2025 về việc công bố các Danh mục văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo hết hiệu lực năm 2024.

phạm pháp luật thuộc thẩm quyền Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục; đồng thời, rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ³. Bên cạnh đó, Bộ GDĐT thường xuyên thực hiện việc nắm bắt tình hình thi hành pháp luật thông qua báo cáo của các cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý, thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp; điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Ngành Giáo dục các địa phương đã tích cực, chủ động tham mưu tỉnh ủy, thành ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành các chính sách phát triển GDĐT tại địa phương, kịp thời triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Bộ GDĐT trong lĩnh vực giáo dục⁴; tham gia góp ý dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo do Bộ GDĐT chủ trì, giúp các quy định của pháp luật sát với thực tiễn hơn.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số văn bản còn chậm tiến độ, một số văn bản ban hành chậm so với kế hoạch⁵. Nguyên nhân chủ yếu là do văn bản có nội dung phức tạp, đối tượng chịu tác động nhiều, cần có thời gian khảo sát, nghiên cứu và tổ chức lấy ý kiến; một số văn bản thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật còn chậm, cần phải thống nhất với cơ quan có thẩm quyền về hình thức và nội dung; một số văn bản phải chờ văn bản cấp trên hoặc từ cơ quan chuyên môn ban hành để làm căn cứ pháp lý, đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo văn bản trong quá trình soạn thảo dù đã đăng công khai để lấy ý kiến nhưng việc lấy ý kiến đôi khi chưa mang lại hiệu quả, nhiều ý kiến tham gia của các bên liên quan (người dân, giáo viên, người học, doanh nghiệp...) chưa thực chất, chưa đóng góp nhiều cho việc xây dựng văn bản.

³ (1) Công văn số 487/TTg-PL ngày 09/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ; (2) Công văn số 393/TTg-PL ngày 05/04/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

⁴ (1) **Sở GDĐT Ninh Bình** tham mưu ban hành các văn bản: Công văn số 486/UBND-VP7 ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh triển khai Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các điều kiện bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học 2024-2025; Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (2) **Sở GDĐT Lạng Sơn** tham mưu ban hành các văn bản: Kế hoạch số 185-KH/TU, ngày 30/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị khóa XIII về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2024-2030; Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; (3) **Sở GDĐT Quảng Ngãi** tham mưu ban hành Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh;...

⁵ Trong đó có một số văn bản có tác động lớn đến ngành như: Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập, Nghị quyết của Quốc hội thí điểm tuyển dụng người có trình độ cao đẳng để dạy một số môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018,...

1.2. Rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT

a) Kết quả đạt được

Bộ GDĐT đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GDĐT (theo đó, cơ cấu tổ chức của Bộ được tinh gọn từ 23 đơn vị xuống còn 18 đơn vị). Bộ GDĐT đã tiếp nhận chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (bao gồm: 01 đơn vị hành chính là Tổng Cục Giáo dục nghề nghiệp, 03 trường đại học sư phạm kỹ thuật, 13 trường cao đẳng, trung cấp nghề và 01 công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), sắp xếp cơ quan Thanh tra thuộc Bộ về Thanh tra Chính phủ. Việc chuyển giao chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp đã bảo đảm tính thống nhất, thông suốt trong quản lý giáo dục từ Trung ương đến địa phương. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định phê duyệt danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ GDĐT⁶. Theo đó, sau khi tiếp nhận 2 đại học quốc gia (Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) và 17 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đến nay Bộ GDĐT được Thủ tướng Chính phủ giao quản lý 65 đơn vị sự nghiệp công lập.

Triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Bộ GDĐT đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ GDĐT; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ GDĐT. Theo đó, đã phân quyền, phân cấp 07/27 nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ GDĐT cho Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh; 24/24 nhóm nhiệm vụ của ủy ban nhân dân cấp huyện được phân định lại cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cấp xã thực hiện, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và phù hợp với đặc thù từng địa phương. Đồng thời, để cụ thể hóa các Nghị định trên, Bộ GDĐT đã ban hành 06 thông tư quy định chi tiết việc phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp⁷; ban hành các văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền theo mô hình mới⁸; tổ chức tọa đàm, tập huấn cho đội

⁶ Quyết định số 1723/QĐ-TTg ngày 12/8/2025.

⁷ Các lĩnh vực: giáo dục mầm non (Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT); giáo dục phổ thông (Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT); giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên (Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT); lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT); một số thẩm quyền chung trong lĩnh vực giáo dục (Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT); hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GDĐT và Phòng Văn hóa - Xã hội trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/07/2025).

⁸ (1) Công văn số 1581/BGDĐT-GDPT ngày 08/4/2025 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về việc bảo đảm duy trì, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục công lập tại các đơn vị hành chính khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; (2) Công văn số 4060/BGDĐT-GDPT ngày 17/7/2025 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về việc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026 khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; (3) Kế hoạch số 774/KH-BGDĐT ngày 13/6/2025 về việc biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp xã và cán bộ quản lý giáo dục cấp sở về quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục khi tổ chức

ngũ; thiết lập đường dây nóng và phân công các đơn vị chuyên môn thường trực giải đáp vướng mắc, hỗ trợ các địa phương trong quá trình thực hiện.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã tích cực tiếp nhận, tổ chức triển khai các nhiệm vụ được phân quyền, nâng cao tính linh hoạt và hiệu quả trong quản lý giáo dục theo đặc thù từng địa phương, bảo đảm các hoạt động giáo dục và đào tạo diễn ra thông suốt, đồng bộ giữa các cấp chính quyền và cơ quan, đơn vị chuyên môn trong toàn hệ thống. Việc phân công, phân cấp trách nhiệm giữa các cấp chính quyền, các cơ quan chuyên môn được xác định rõ ràng. Sở GDĐT giữ vai trò chủ đạo trong chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn; ủy ban nhân dân cấp xã đảm nhiệm công tác quản lý trực tiếp tại địa bàn. Một số tỉnh, thành phố đã hoàn thành việc bố trí 01 cán bộ chuyên trách theo dõi lĩnh vực giáo dục tại 100% ủy ban nhân dân cấp xã và có kế hoạch tổ chức tập huấn về kỹ năng phối hợp, quản lý hoạt động trường học cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

b) Tồn tại, hạn chế

Đến thời điểm báo cáo, theo quy định, mỗi Phòng Văn hóa - Xã hội tại UBND cấp xã được bố trí hai (02) biên chế phụ trách lĩnh vực giáo dục và đào tạo, tuy nhiên, các địa phương về cơ bản chưa đáp ứng quy định này. Nhiều công chức cấp xã có trình độ chuyên môn không phù hợp với giáo dục hoặc chưa có kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước về giáo dục. Trong khi đó, khối lượng công việc của Phòng Văn hóa - Xã hội nói chung và mảng công việc thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo rất nhiều và phức tạp. Các công chức phụ trách lĩnh vực GDĐT cấp xã phải đồng thời làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ của các ngành, lĩnh vực khác như y tế, văn hóa, nội vụ....nên gặp nhiều khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn đầu vận hành chính quyền hai cấp.

Số lượng văn bản được điều chỉnh, sửa đổi để phục vụ vận hành của chính quyền hai cấp khá lớn. Điều này cũng tạo nên khó khăn cho đội ngũ công chức cấp xã khi thực hiện vì nhiều công việc có nội dung, quy trình mới, vừa làm vừa tra cứu, nghiên cứu.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

2.1. Giáo dục mầm non

a) Kết quả đạt được

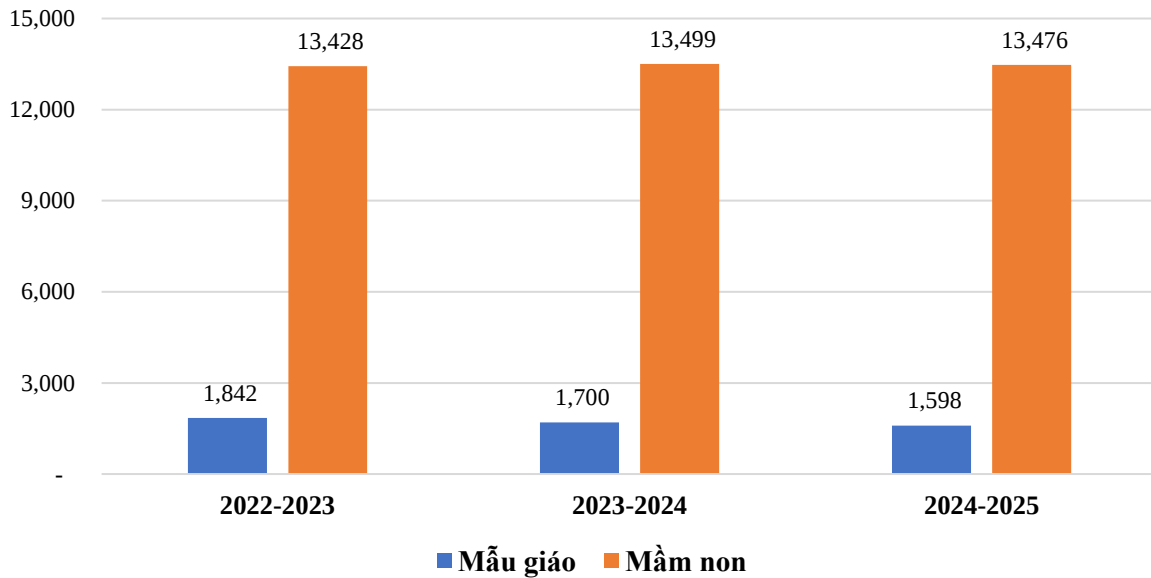
Năm học 2024 - 2025⁹, cả nước có 15.077 cơ sở giáo dục mầm non¹⁰ (giảm 125 cơ sở giáo dục so với năm học trước), trong đó cơ sở giáo dục công lập là 11.993 (chiếm tỷ lệ 79,5%), ngoài công lập là 3.804 (chiếm tỷ lệ 20,5%). Tổng số trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo là 4.727.657 (giảm 103.270 so với năm học trước), trong đó số trẻ em học tại các cơ sở giáo dục công lập là 3.660.980 (chiếm tỷ lệ 77,4%), học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập là 1.066.677 (chiếm tỷ lệ 22,6%). Số

chính quyền địa phương 02 cấp; (4) Công văn số 4289/BGDĐT-GDPT ngày 23/7/2025 gửi các Sở GDĐT về việc báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục khi triển khai chính quyền địa phương 02 cấp.

⁹ Nguồn: số liệu sơ bộ trên cơ sở dữ liệu ngành; số liệu thống kê (Vụ Giáo dục Mầm non).

¹⁰ Trong đó, Nhà trẻ có 03 trường, Mẫu giáo có 1.598 trường, Mầm non có 13.476 trường.

điểm trường lẻ là 17.623 (giảm 492 điểm trường so với năm học trước)¹¹.



Mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non

Bộ GDĐT đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội ban hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và trình các cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách đối với trẻ em, giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất để phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non. Đồng thời, ban hành theo thẩm quyền các văn chỉ đạo về công tác quản lý nhà nước, thực hiện chương trình đối với giáo dục mầm non và bảo đảm an toàn cho trẻ, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, tăng cường nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục để đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và tư thục¹².

Các địa phương đã thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, không sáp nhập các trường mầm non vào các trường phổ thông; bố trí quỹ đất để xây dựng trường, lớp mầm non, đặc biệt là tại các địa bàn đông dân cư, khu công nghiệp. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục để giảm áp lực cho trường mầm non công lập, đảm bảo mỗi xã, phường có ít nhất một trường mầm non công lập để làm nòng cốt cho phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được học trong các cơ sở giáo dục mầm non có điều kiện cơ sở vật chất tốt, thuận tiện cho cha mẹ trẻ đưa đón, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ¹³. Đồng thời, quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện hiệu quả công tác huy động trẻ đến trường; tiếp tục rà soát, bổ sung các điều kiện để duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm

¹¹ Các tỉnh, thành phố có số điểm trường lẻ giảm nhiều: Đồng Nai giảm 466, Lâm Đồng giảm 378; Thanh Hoá giảm 260, Thành phố Cần Thơ giảm 145, Hà Nội giảm 109 điểm trường.

¹² Công văn số 4868/BGDĐT-GDMN ngày 29/8/2024 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non.

¹³ Như: Đà Nẵng, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, TP.HCM, Quảng Ninh, Hà Nội, Bắc Ninh, Lai Châu...

non cho trẻ em 5 tuổi. Đến nay, số lượng và tỷ lệ huy động trẻ em đến trường đạt tỉ lệ 72,7% (tăng 0,01% so với năm học trước).

Các cơ sở giáo dục mầm non đã triển khai thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non; tích cực đổi mới phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm; khai thác sử dụng tài liệu, học liệu trực tuyến hiệu quả, đúng quy định; ứng dụng các phương tiện, kỹ thuật, công nghệ để tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ theo hướng tương tác với phương châm giáo dục “chơi mà học, học bằng chơi” gắn với Chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm”. Công tác tổ chức bữa ăn cho trẻ em tại cơ sở giáo dục mầm non cơ bản được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm với sự tham gia giám sát của phụ huynh và công khai tài chính. Công tác bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em được tăng cường rà soát, kiểm tra, tự giám sát các điều kiện an toàn, phát huy vai trò giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ. Các chương trình hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn và tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ em dân tộc thiểu số cũng được triển khai hiệu quả.

b) Tồn tại, hạn chế

Công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục mầm non tại nhiều địa phương chưa theo kịp nhu cầu phát triển và nhu cầu đưa trẻ đến trường của nhân dân; tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đến trường ở một số địa phương còn thấp; còn có sự chênh lệch về cơ hội tiếp cận giáo dục và điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục mầm non giữa các địa phương và giữa các đối tượng.

Việc đảm bảo các quy chuẩn về đội ngũ, cơ sở vật chất, trường lớp để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu.

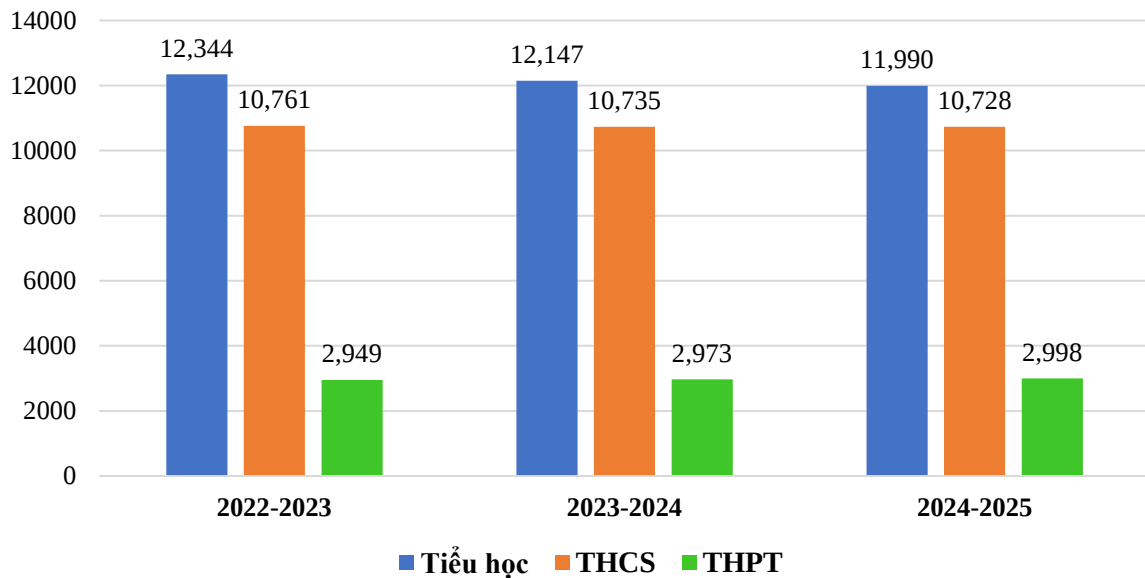
2.2. Giáo dục phổ thông

a) Kết quả đạt được

Năm học 2024 - 2025¹⁴, cả nước có 25.716 cơ sở giáo dục phổ thông (*giảm 139 cơ sở giáo dục so với năm học trước*), trong đó cơ sở giáo dục công lập là 24.933 (chiếm tỷ lệ 97%), ngoài công lập là 783 (chiếm tỷ lệ 3%)¹⁵. Tổng số học sinh là 18.539.725 (*tăng 161.202 so với năm học trước*), trong đó số học sinh học tại các cơ sở giáo dục công lập là 17.908.772 (chiếm tỷ lệ 96,6%), học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập là 630.953 (chiếm tỷ lệ 3,4%).

¹⁴ Nguồn: số liệu sơ bộ trên cơ sở dữ liệu ngành; số liệu thống kê (Vụ Giáo dục Mầm non).

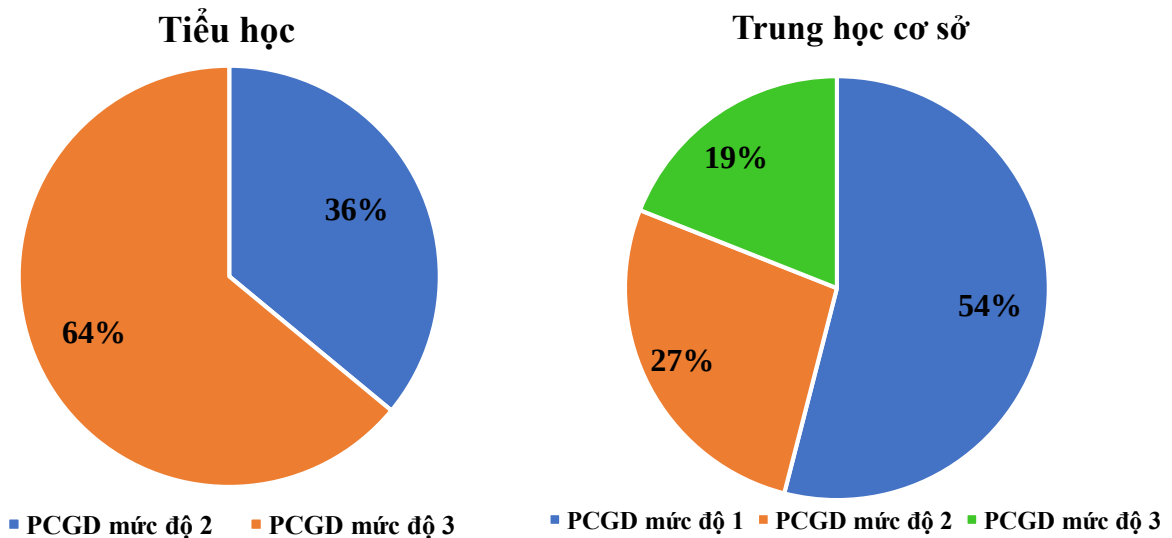
¹⁵ Trong đó, trường Tiểu học là 11.990; trường THCS là 8.432; trường THPT là 2.374; trường tiểu học và THCS là 2.296; trường THCS và THPT là 413; trường THPT là 211.



Mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông

Năm học 2024 - 2025, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được triển khai đồng bộ ở tất cả các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 12 trên phạm vi toàn quốc, hoàn thành chu trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa ở các cấp học. Bộ GDĐT đã ban hành đầy đủ danh mục sách giáo khoa cho các lớp từ 1 đến 12 theo đúng lộ trình; hoàn thành tư vấn, phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương cho 63 tỉnh, thành phố (trước khi sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh). Việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đã được triển khai thực hiện ở 100% cơ sở giáo dục. Các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học mới theo hướng đa dạng hóa các hoạt động học tập, phù hợp với năng lực của học sinh; mô hình dạy học theo chuyên đề, dạy học theo dự án, dạy học tích hợp, giáo dục STEM, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật... được tổ chức dưới nhiều hình thức, qua đó giúp học sinh tích lũy được kiến thức và biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống, phù hợp với định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh theo mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông.

Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở tiếp tục được các địa phương quan tâm nhằm củng cố, duy trì kết quả đã đạt được và từng bước phấn đấu đạt chuẩn mức độ cao hơn. Năm học 2024 - 2025, tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,7%; tỷ lệ huy động học sinh hoàn thành Chương trình giáo dục tiểu học vào THCS đạt 98,23%. Đến thời điểm tháng 6/2025, có 100% tỉnh, thành phố duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, trong đó 64% tỉnh, thành phố được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 (tăng 6% so với cùng thời điểm năm trước); 27% tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 (tăng 4% so với cùng thời điểm năm trước) và 19% tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 (tăng 6% so với cùng thời điểm năm trước).



Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục năm học 2024 - 2025

Công tác tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi tiếp tục quan tâm và đạt kết quả cao. Tính đến nay, Đoàn tham dự Hội thi Khoa học kỹ thuật quốc tế đã giành được 02 giải Nhì; 01 giải Ba; 03 giải Tư và 05 giải Đặc biệt của các nhà tài trợ (đây là thành tích cao nhất của học sinh Việt Nam kể từ năm 2013 đến nay); 100% học sinh tham dự Olympic Vật lý Châu Á, Olympic Tin học Châu Á, Olympic Toán quốc tế, Olympic Hóa học Quốc tế, Olympic Sinh học Quốc tế, Olympic Vật lý Quốc tế, Olympic Tin học quốc tế, Olympic Trí tuệ nhân tạo quốc tế đều đạt thành tích cao với 16 Huy chương Vàng, 17 Huy chương Bạc, 11 Huy chương Đồng, 01 Giải Khuyến khích¹⁶; đặc biệt ở một số môn thi đoàn Việt Nam được xếp hạng cao, trong đó, đội tuyển Olympic Trí tuệ nhân tạo quốc tế nằm trong nhóm 4 quốc gia có thành tích cao nhất, đội tuyển Olympic Tin học quốc tế nằm trong nhóm 8 quốc gia có thành tích cao nhất, đội tuyển Olympic Toán quốc tế xếp thứ 9 trong tổng số 113 quốc gia, vùng lãnh thổ tham dự kỳ thi.

Triển khai chủ trương bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, Bộ GDĐT đã nghiên cứu, xây dựng Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 -2035, tầm nhìn đến năm 2045”, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành; đồng thời, ban hành Công văn chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo. Năm học 2024 - 2025, 100% cơ sở giáo dục đã triển khai dạy tiếng Anh bắt buộc ở lớp 3, lớp 4 và lớp 5. Mặc dù không còn là môn thi bắt buộc trong kỳ thi tốt nghiệp THPT, hơn 352.000 thí sinh vẫn lựa chọn tiếng Anh, đứng thứ ba

¹⁶ Cụ thể: (1) Olympic Vật lý Châu Á (8/8 học sinh tham dự đều đoạt Huy chương, gồm 03 Huy chương Vàng, 03 Huy chương Bạc, 02 Huy chương Đồng); (2) Olympic Tin học Châu Á (cả 06/06 thí sinh tham gia xét giải đều đoạt giải, gồm 01 Huy chương Vàng, 02 Huy chương Bạc, 03 Huy chương Đồng); (3) Olympic Toán quốc tế (6/6 học sinh đều đoạt huy chương, gồm: 02 Huy chương Vàng, 03 Huy chương Bạc, 01 Huy chương Đồng); (5) Olympic Hóa học Quốc tế (cả 4/4 thí sinh tham dự đều đoạt Huy chương Vàng); (6) Olympic Sinh học Quốc tế (4/4 học sinh đều đoạt huy chương, gồm: 01 Huy chương Vàng, 02 Huy chương Bạc, 01 Huy chương Đồng); (7) Olympic Vật lý Quốc tế (5/5 học sinh đều đoạt Huy chương, gồm: 01 Huy chương Vàng, 04 Huy chương Bạc); (8) Olympic Tin học quốc tế (4/4 học sinh đều đoạt Huy chương, gồm: 01 Huy chương Vàng, 02 Huy chương Bạc, 01 Huy chương Đồng); (9) Olympic Trí tuệ nhân tạo quốc tế (IOAI) (8/8 học sinh đoạt giải, gồm: 03 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc, 03 Huy chương Đồng và 01 Giải Khuyến khích).

trong các môn thi lựa chọn, thể hiện sự quan tâm của học sinh đối với môn học.

Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 về quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm theo hướng siết chặt kỷ cương, minh bạch hóa quy trình tổ chức và tăng cường trách nhiệm quản lý của địa phương; đồng thời quy định rõ việc không tổ chức dạy thêm đối với học sinh tiểu học và học sinh đang được giáo viên giảng dạy theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, nhằm hạn chế tình trạng ép buộc học thêm. Bộ GDĐT đã chỉ đạo các Sở GDĐT tăng cường giải pháp thực hiện Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT¹⁷, tổ chức các đoàn kiểm tra tại địa phương nhằm kịp thời chấn chỉnh, xử lý sai phạm. Nhiều địa phương đã tổ chức rà soát, chấn chỉnh hoạt động dạy thêm ngoài nhà trường theo đúng quy định pháp luật. Kết quả triển khai bước đầu cho thấy sự chuyển biến tích cực: hoạt động dạy thêm, học thêm được kiểm soát chặt chẽ hơn; học sinh và phụ huynh dần yên tâm, giảm áp lực học ngoài giờ; đồng thời thúc đẩy tính tự học và phát triển năng lực cá nhân của người học.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số cơ sở giáo dục vẫn còn lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; chưa thực sự chủ động được trong tổ chức dạy học các môn tích hợp, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp và nội dung giáo dục địa phương. Việc thực hiện chương trình giáo dục còn gặp khó khăn do đội ngũ giáo viên còn thiếu so với quy định ở hầu hết các địa phương và chưa đồng bộ về cơ cấu, nhất là đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Việc kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh tại một số nơi vẫn còn hình thức, chưa sát thực tế. Năm đầu tiên thực hiện chương trình với các lớp cuối cấp, một số giáo viên vẫn quen với cách dạy của chương trình cũ, chưa quen với thay đổi hình thức thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

2.3. Giáo dục thường xuyên

a) Kết quả đạt được

Năm học 2024 - 2025, ngành Giáo dục tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030”; Bộ GDĐT đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 06/3/2025 ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2030 và ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2030¹⁸. Đến nay, quy mô và mạng lưới các cơ sở giáo dục thường xuyên tại các địa phương về cơ bản được duy trì ổn định đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của người dân.

Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ

¹⁷ Công văn số 2101/BGDĐT-GDPT ngày 05/05/2025.

¹⁸ Quyết định số 1220/QĐ-BGDĐT ngày 07/5/2025.

thông đã được triển khai đúng lộ trình theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, áp dụng đồng bộ cho các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 12 tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Ngoài ra, các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên đã chủ động đa dạng hóa các chương trình bồi dưỡng về ngoại ngữ thực hành, tin học, giáo dục kỹ năng sống, với tổng số 26.302.302 lượt người học tham gia các lớp chuyên đề phổ biến, cập nhật kiến thức, kỹ năng và các lớp bồi dưỡng thường xuyên khác như bồi dưỡng về chuyên đề nông nghiệp, khoa học kỹ thuật, kinh tế nông thôn, chăm sóc sức khỏe, dân số, pháp luật và chính sách của Đảng và Nhà nước...(tăng 1.509.554 lượt người học so với năm học 2023 - 2024)¹⁹.

Công tác xóa mù chữ tiếp tục được các địa phương quan tâm triển khai. Các Sở GDĐT đã chỉ đạo các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên vận động người mù chữ ra các lớp xóa mù chữ²⁰. Trong năm học 2024 - 2025, cả nước đã huy động được 91.548²¹ học viên tham gia học các lớp xóa mù chữ, trong đó học viên là người dân tộc thiểu số chiếm 84%; tỷ lệ người trong độ tuổi 15 - 60 biết chữ mức độ 1 là 99,10% và mức độ 2 là 97,72% (tăng lần lượt 0,32% và 0,35% so với năm học trước), số người chưa biết chữ chủ yếu trong độ tuổi từ 36 đến 60 tuổi.

Hiện nay cả nước có 100% đơn vị cấp xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1; có 96,84% đơn vị cấp xã, 96,45% đơn vị cấp huyện và 87,3% đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2²². Một số địa phương đã chủ động mở lại các lớp xóa mù chữ sau nhiều năm gián đoạn; phối hợp hiệu quả với bộ đội biên phòng để tuyên truyền, vận động mở các lớp xóa mù chữ cho đồng bào dân tộc, đặc biệt tại vùng biên giới²³; phối hợp với các trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc để tổ chức lớp học cho phạm nhân, trại viên, học sinh (242 lớp với 5.987 học viên, trong đó 95,75% là phạm nhân).

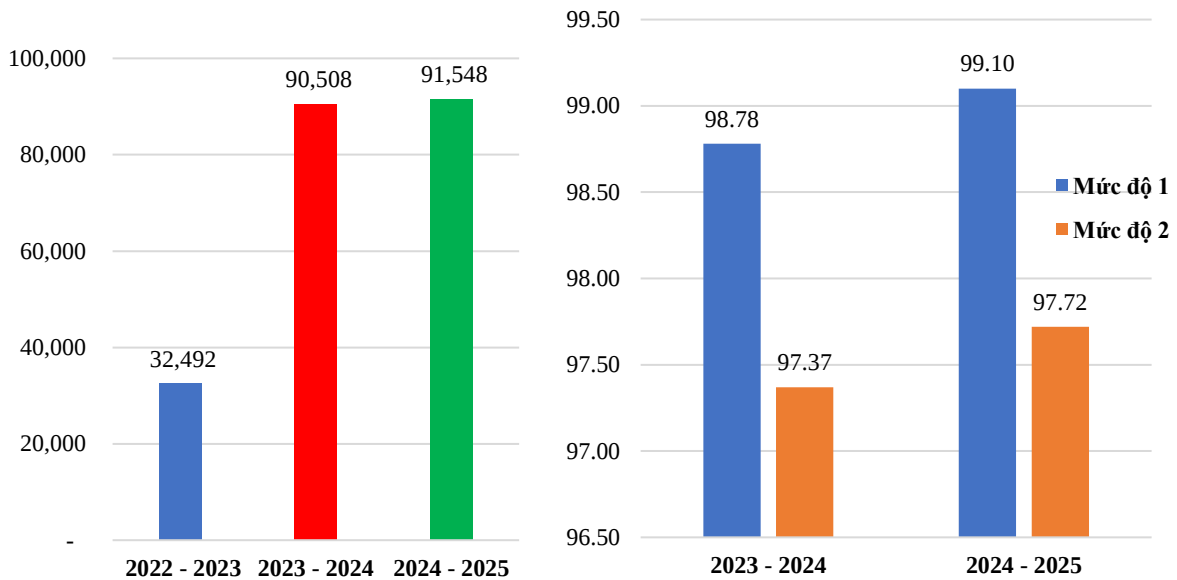
¹⁹ Một số địa phương đã thu hút được nhiều lượt người tham gia học tập tại Trung tâm học tập cộng đồng, như: Thành phố Hồ Chí Minh (2.799.381 lượt người), Thành phố Hà Nội (670.418 lượt người), ...

²⁰ Năm học 2024 - 2025, theo địa giới hành chính trước khi sáp nhập tỉnh và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, các sở GDĐT đã tích cực chỉ đạo các cơ sở giáo dục vận động người mù chữ ra các lớp như: Sơn La (11.488 học viên), Gia Lai (10.485 học viên), Lai Châu (9.730 học viên), Hà Giang (2.228 học viên), Lào Cai (2.170 học viên), Lạng Sơn (2.169 học viên), Sóc Trăng (2.847 học viên), Quảng Ninh (2.885 học viên), Bắc Kạn (2.677 học viên), Yên Bái (1.415 học viên), Điện Biên (2.938 học viên), Thừa Thiên Huế (1.682 học viên), Kiên Giang (1.524 học viên), Thanh Hóa (1.493 học viên), Lâm Đồng (1.120 học viên), Bắc Giang (1.655 học viên). Đặc biệt có những tỉnh đã chỉ đạo được 100% số đơn vị cấp huyện mở các lớp xóa mù chữ như: Sóc Trăng, Gia Lai, Lai Châu,...

²¹ Trong đó có 52.334 người học các lớp xóa mù chữ giai đoạn 1 và 39.214 người học các lớp xóa mù chữ giai đoạn 2.

²² Số liệu báo cáo tại thời điểm trước khi sáp nhập tỉnh và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

²³ Trung bình trên 30 lớp/năm với trên 1.000 học viên, trong đó nhiều lớp xóa mù chữ ở các xã biên giới do bộ đội biên phòng trực tiếp giảng dạy.



Số lượng học viên tham gia các lớp xóa mù chữ trong cả nước

Tỉ lệ người trong độ tuổi 15 - 60 biết chữ trong cả nước

b) Tồn tại, hạn chế

Chất lượng học viên đầu vào thấp, trong đó có nhiều học viên chưa có ý thức học tập chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông do cùng học song song với chương trình trung cấp nghề. Việc huy động người học xóa mù chữ tại một số địa phương còn gặp nhiều khó khăn; công tác điều tra, rà soát số người mù chữ chưa được quan tâm đúng mức, số liệu không cập nhật thường xuyên và có nơi số liệu chưa chính xác.

Đội ngũ giáo viên biên chế dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên còn ít, chưa đủ về số lượng và cơ cấu theo các môn học, đội ngũ giáo viên hợp đồng lao động không ổn định nên ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên còn thiếu, ít được quan tâm đầu tư xây dựng, mua sắm.

2.4. Nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi

a) Kết quả đạt được

Năm học 2024 - 2025, Bộ GDĐT tiếp tục tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách cho người dạy, người học và cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; giáo dục học sinh khuyết tật như: tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; Nghị định số 96/2025/NĐ-CP ngày 29/4/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 82/2010/NĐ-CP quy định về dạy học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong cơ sở giáo dục phổ thông và thường xuyên; Quy hoạch hệ thống cơ sở

giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050²⁴. Những chính sách này đã góp phần nâng cao tỷ lệ huy động học sinh vùng dân tộc, miền núi đến trường, giảm đáng kể tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng và nâng tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông ở vùng dân tộc thiểu số lên mức cao hơn trước; tăng cường công bằng trong tiếp cận giáo dục chất lượng cho người khuyết tật.

Đồng thời, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và phát hành sách sách giáo khoa, tài liệu dạy học tiếng dân tộc thiểu số cho 8 thứ tiếng²⁵; Tài liệu Chuẩn bị Tiếng Việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một" để bảo đảm sách giáo khoa, tài liệu, học liệu dành cho học sinh người dân tộc thiểu số. Năm học 2024 - 2025, thống kê theo địa giới hành chính cũ, cả nước có 22/63 tỉnh, thành phố tổ chức dạy 07 tiếng dân tộc thiểu số theo Chương trình Chương trình giáo dục phổ thông 2018²⁶, với quy mô 514 trường, 4.736 lớp và 132.221 học sinh.

Bộ GDĐT đã ban hành văn bản chỉ đạo rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, nhất là các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế của địa phương. Việc sắp xếp phải bảo đảm nguyên tắc có lộ trình cụ thể, hợp lý, tạo thuận lợi cho việc học tập của học sinh, gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non, phổ thông²⁷. Đến nay, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú đã được thành lập ở hầu hết các địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần quan trọng vào việc củng cố và duy trì kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Cả nước hiện có 319 trường trường phổ thông dân tộc nội trú với quy mô 115.333 học sinh dân tộc nội trú, trong đó có 187 trường đạt chuẩn quốc gia (chiếm tỷ lệ 58,6%) và 1.213 trường phổ thông dân tộc bán trú với quy mô 245.800 học sinh bán trú, trong đó có 483 trường đạt chuẩn quốc gia (chiếm tỷ lệ 39,8%). Ngoài ra còn có 2.145 trường phổ thông có học sinh bán trú với quy mô khoảng 213.199 học sinh bán trú, trong đó có 1.016 trường đạt chuẩn quốc gia (chiếm tỷ lệ 47,3%). Đồng thời, các địa phương cũng tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 để tăng cường đầu tư cho các cơ sở giáo dục.

Đặc biệt, Bộ GDĐT đã tham mưu²⁸, trình Bộ Chính trị thông qua chủ trương

²⁴ Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

²⁵ Gồm: Bahnar, Chăm, Êđê, Jrai, Khmer, Mông, M'Nông, Thái.

²⁶ Các tỉnh, thành phố tổ chức dạy học tiếng DTTS trong có sở GDPT như sau: (1) Tiếng Khmer được tổ chức dạy tại 10 tỉnh, thành phố: Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Tây Ninh, Kiên Giang, Cà Mau, Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu, Hậu Giang; (2) Tiếng Chăm được tổ chức dạy tại 4 tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Tây Ninh, An Giang; (3) Tiếng Êđê được tổ chức dạy tại 2 tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông; (4) Tiếng Jrai được tổ chức dạy tại 2 tỉnh: Gia Lai, Kon Tum; (5) Tiếng Bahnar được tổ chức dạy tại 2 tỉnh: Gia Lai, Kon Tum; (6) Tiếng Mông được tổ chức dạy tại 4 tỉnh: Nghệ An, Lào Cai, Yên Bái, Điện Biên; (6) Tiếng Thái được tổ chức dạy tại 3 tỉnh: Yên Bái, Điện Biên, Sơn La.

²⁷ Công văn số 5268/BGDĐT-GDDT ngày 11/9/2024 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục dân tộc.

²⁸ Tờ trình số 973/TTr-BGDĐT ngày 15/7/2025.

đầu tư xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại 248 xã biên giới đất liền, trước mắt thí điểm đầu tư xây mới hoặc cải tạo 100 trường trong năm 2025, hoàn thành trước ngày 30/8/2026 và hoàn thành mục tiêu 248 trường trong 2-3 năm tới²⁹; theo đó các trường được đầu tư bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, quy mô, diện tích trường, lớp; có đủ cơ sở vật chất phục vụ việc học tập, rèn luyện văn hóa, tinh thần, thể chất và điều kiện sinh hoạt.

b) Tồn tại, hạn chế

Hệ thống cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bao gồm cả trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú đã được nhà nước quan tâm đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu dạy học. Chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn còn thấp so với mặt bằng chung cả nước. Tỷ lệ học sinh thuộc hộ nghèo và cận nghèo cao, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, nên việc duy trì sự chuyên cần và sĩ số trong các cơ sở giáo dục gặp nhiều khó khăn.

3. Nâng cao chất lượng công tác thi, tuyển sinh, kiểm tra, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả đạt được

- Về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia:

Tính đến ngày 31/5/2025, có 68,8% cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục; 65% cơ sở giáo dục giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên đạt chuẩn quốc gia³⁰; 199 cơ sở giáo dục đại học được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn trong nước, 15 cơ sở giáo dục đại học được đánh giá ngoài theo tiêu chuẩn nước ngoài³¹; 871 chương trình đào tạo đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn trong nước và 692 chương trình đào tạo đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn nước ngoài.

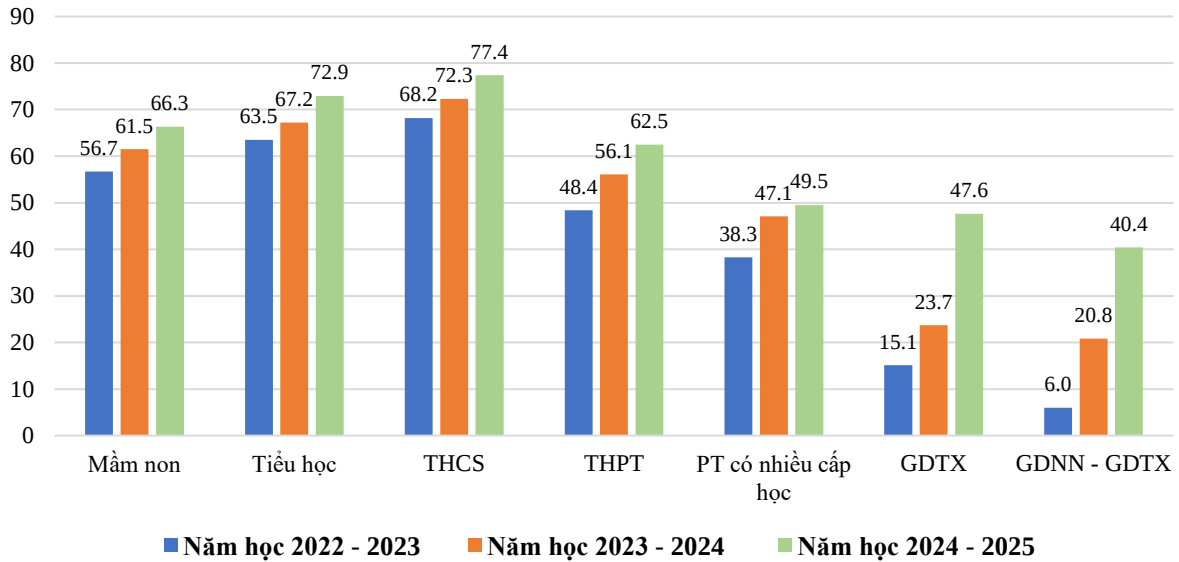
Tỷ lệ trường mầm non, tiểu học, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, phổ thông có nhiều cấp học và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2024 - 2025 tăng cao hơn so với năm học trước; đặc biệt là tỷ lệ trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục

²⁹ Thông báo số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 kết luận của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới.

³⁰ Tỷ lệ trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia các cấp học ngày càng tăng, cụ thể, năm học 2024-2025 (tính đến ngày 31/5/2025): mầm non đạt 66,3% và 61,2%; tiểu học đạt 72,9% và 68,4%, trung học cơ sở đạt 77,4% và 74,5%; trung học phổ thông đạt 62,5% và 56,9%; trường phổ thông có nhiều cấp học đạt 49,5% và 49,5%. Ngoài ra, đối với giáo dục thường xuyên, có 47,6% trung tâm giáo dục thường xuyên và 40,4% trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

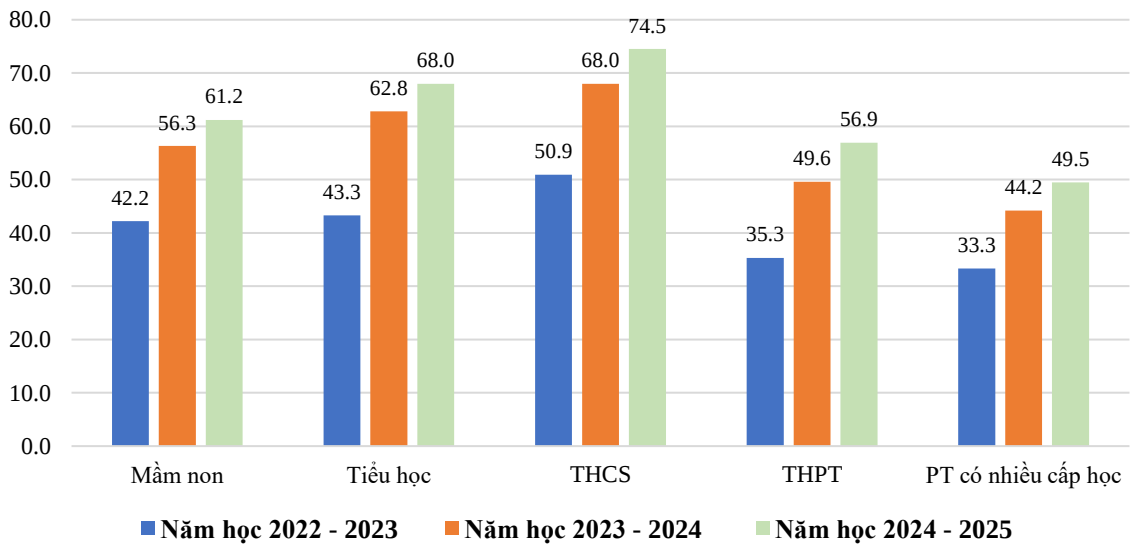
³¹ Theo tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục của HCERES, AUN-QA, FIBAA, QAA, ASIIN, AQUAS, ACQUIN, THE - ICE, ACBSP, ABET, JUAA.

thường xuyên năm học 2023 - 2024 còn rất thấp nhưng đến năm học 2024 - 2025 đã có sự gia tăng nhanh chóng (tăng gần gấp đôi).



Tỷ lệ trường đạt chuẩn kiểm định trong cả nước

Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia năm học 2024 - 2025 cũng tăng nhanh so với năm học trước; trong đó tăng nhanh nhất là cấp trung học phổ thông (tăng 7,3%) và trung học cơ sở (tăng 6,5%).



Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trong cả nước

Việt Nam tích cực tham gia các chương trình đánh giá học sinh phổ thông quốc tế diện rộng như PISA, TALIS, SEA-PLM và PASEC để giúp cung cấp cơ sở dữ liệu đánh giá kết quả giáo dục, đề ra giải pháp cải thiện chất lượng dạy và học; đồng thời học tập kinh nghiệm quốc tế về đánh giá chất lượng giáo dục, nhất là đổi mới về kỹ thuật và phương pháp đánh giá, đưa ra cách tiếp cận mới về dạy - học, kiểm tra, thi và đánh giá. Báo cáo quốc gia PISA chu kỳ 2022 đã được Bộ GDĐT tổ chức Hội thảo công bố vào ngày 19/6/2025 cho thấy Việt Nam duy trì

thứ hạng cao trong khu vực, tiệm cận mức trung bình OECD³² ở cả ba môn: Toán, Đọc, Khoa học³³. Năm 2025, Việt Nam triển khai tổ chức khảo sát PISA chu kỳ 2025 trên máy tính lần đầu tiên với sự tham gia của 195 trường và 7.353 học sinh. Mục tiêu là đánh giá năng lực học tập trong các lĩnh vực đọc hiểu, toán và khoa học, đồng thời phát triển tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề cho học sinh.

- Công tác tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025:

Đây là Kỳ thi đầu tiên theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Bộ GDĐT đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản chỉ đạo kỳ thi Công điện số 10/CD-TTg ngày 07/2/2025 về tăng cường chỉ đạo công tác tuyển sinh trung học cơ sở, tuyển sinh trung học phổ thông và quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm; Công điện số 58/CD-TTg ngày 08/5/2025 về việc tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đầu cấp giáo dục phổ thông năm 2025; Công điện số 61/CD-TTg ngày 10/5/2025 về tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, bảo đảm biên chế giáo viên mầm non, phổ thông và nghỉ hè cho trẻ em, học sinh năm 2025. Đồng thời, Bộ GDĐT đã ban hành đầy đủ, kịp thời hệ thống các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức các hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho tất cả những người tham gia tổ chức kỳ thi. Công tác đề thi được thực hiện nghiêm túc, an toàn, bảo mật từ Trung ương đến địa phương, với đề thi mới được xây dựng theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đảm bảo mức độ phân hóa phù hợp để xét công nhận tốt nghiệp và làm cơ sở tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp. Đặc biệt, kỳ thi đã được tổ chức thành công trong bối cảnh sắp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, khi cả nước có 63 tỉnh, thành phố tại thời điểm thi và 34 tỉnh, thành phố tại thời điểm chấm thi, cho thấy sự chủ động, khẩn trương và trách nhiệm của các địa phương.

Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông đã diễn ra vào các ngày 26 và 27/6/2025 với 3 buổi thi (*giảm 1 buổi thi, giảm 2 môn thi so với năm 2024*)³⁴ tại 2.494 điểm thi với 49.849 phòng thi, đảm bảo nghiêm túc, trung thực, khách quan, an toàn và đúng quy chế. Kỳ thi có 2 bộ đề thi dành cho học sinh học Chương trình giáo dục phổ thông 2006 và học sinh học Chương trình giáo dục phổ thông 2018³⁵.

Tổng số thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự thi là 1.165.289 (*tăng gần 100.000 thí sinh so với năm 2024*), số thí sinh dự thi là 1.122.720, trong đó có 1.728 thí sinh thi theo Chương trình giáo dục phổ thông 2006 (chiếm tỷ lệ 0,15%) và 1.120.992 thí sinh thi theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (chiếm tỷ lệ

³² Chương trình PISA do Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) khởi xướng và điều phối, là một trong những công cụ đánh giá diện rộng quốc tế có uy tín, giúp các quốc gia đo lường năng lực của học sinh 15 tuổi trong các lĩnh vực nền tảng như Đọc hiểu, Toán học và Khoa học - những năng lực thiết yếu để sống, học tập và làm việc hiệu quả trong thế kỷ 21.

³³ Theo kết quả PISA 2022 do OECD công bố ngày 5/12/2023, điểm trung bình môn Toán của học sinh Việt Nam đạt 469 điểm, môn Đọc hiểu là 462 điểm, môn Khoa học là 472 điểm; đều rất sát mức trung bình của OECD là 472 điểm.

³⁴ Kỳ thi năm 2025 gồm 1 buổi thi môn Ngữ Văn, 1 buổi thi môn Toán và 1 buổi tổ chức bài thi tự chọn. Kỳ thi năm 2024 gồm 3 bài thi độc lập và 2 bài thi tổ hợp. Trong đó, 3 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ; 2 bài thi tổ hợp là: (1) bài thi Khoa học Tự nhiên gồm các môn Vật lý, Hóa học Sinh học; (2) Bài thi Khoa học Xã hội gồm các môn Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân dùng cho thí sinh học Chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học phổ thông và các môn Lịch sử, Địa lý dùng cho thí sinh học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

³⁵ Trong cả kỳ thi có 41 thí sinh vi phạm Quy chế thi và bị đình chỉ thi do sử dụng tài liệu và mang điện thoại vào phòng thi; không ghi nhận cán bộ nào vi phạm Quy chế thi.

99,85%%). Bộ GDĐT đã công bố kết quả thi vào ngày 16/7/2025, theo đó, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông toàn quốc năm 2025 là 99,25% (trong đó, tỷ lệ tốt nghiệp của học sinh học giáo dục phổ thông là 99,72%, học sinh học giáo dục thường xuyên là 96,0%); phổ điểm của đa số các môn thi vẫn giữ được sự ổn định và tương đồng với năm 2024 và các năm trước. Nhìn chung, phổ điểm của đa số các môn thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 vẫn giữ được sự ổn định và tương đồng với phổ điểm năm 2024 và các năm trước. Phổ điểm năm nay đã phản ánh đúng chất lượng giáo dục, phân hóa tốt³⁶; đề thi được cải tiến, học sinh thích ứng nhanh và các địa phương có sự tiến bộ rõ rệt. Kỳ thi không chỉ đánh giá năng lực của học sinh, phục vụ tuyển sinh, mà còn là căn cứ quan trọng để điều chỉnh chiến lược giáo dục quốc gia.

b) Tồn tại, hạn chế

Công tác tự đánh giá ở một số cơ sở giáo dục chưa bảo đảm đúng các yêu cầu quy định, như: chưa đánh giá đúng hiện trạng, thiếu minh chứng, kế hoạch cải tiến chưa cụ thể và khả thi; do đó, việc tự đánh giá chưa phát huy hết hiệu quả, chưa thực sự góp cải thiện chất lượng dạy và học trong nhà trường.

Đội ngũ đánh giá ngoài thiếu ổn định, kiêm nhiệm nhiều, chưa dành nhiều thời gian cho việc nghiên cứu kỹ hồ sơ; chưa thực hiện đầy đủ, hiệu quả công tác cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài do thiếu theo dõi, kiểm tra. Một số cơ sở giáo dục được đánh giá ngoài không đạt kiểm định (gồm: 28 trường mầm non, 41 trường tiểu học, 13 trường trung học cơ sở, 05 trường trung học phổ thông và 08 trường phổ thông có nhiều cấp học).

4. Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; kết hợp giữa giáo dục, đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tạo

4.1. Giáo dục nghề nghiệp

a) Kết quả đạt được

Tính đến tháng 12/2024, cả nước có 1.545 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trong đó có 624 cơ sở tư thục, chiếm 40,3% gồm: 390 trường cao đẳng (trong đó có 101 trường tư thục chiếm 25,9%); 427 trường trung cấp (trong đó có 229 trường tư thục, chiếm 53,6%); 728 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp (trong đó có 294 cơ sở tư thục, chiếm 34,2%)³⁷.

Bộ GDĐT đã tổ chức Hội nghị tuyển sinh Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên năm 2025, trong đó, đã nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hệ thống thông tin tuyển sinh tích hợp, đổi mới truyền thông, hướng nghiệp, tăng cường gắn kết với doanh nghiệp, thúc đẩy phân luồng học sinh và nâng cao nhận thức xã

³⁶ Kỳ thi có 513 thí sinh đạt điểm 10 môn Toán, 141 thí sinh được điểm 10 môn tiếng Anh, không có điểm 10 môn Ngữ văn. Cụ thể, môn Toán có trên 1,12 triệu thí sinh dự thi, trong đó có 513 thí sinh đạt điểm 10. Trong khi đó năm 2024, số điểm 10 là 0. Ninh Bình, Hà Nội, TP.HCM, Hải Phòng, Hưng Yên là các địa phương có nhiều điểm 10 môn Toán nhất; Môn ngữ văn phổ điểm tương đối ổn định, nhưng không có điểm 10 (năm 2024 có 2 điểm 10). Môn tiếng Anh có điểm trung bình là 5,38, với 141 điểm 10. Hà Nội, TP.HCM là hai địa phương có nhiều điểm 10 tiếng Anh nhất.

³⁷ Không bao gồm trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên

hội về vai trò của giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên trong phát triển nguồn nhân lực quốc gia. Bộ GDĐT cũng đã ban hành văn bản chỉ đạo các địa phương tổ chức tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp, chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, ngành nghề mới, kỹ năng mới; thực hiện kiểm tra chuyên đề về tổ chức tuyển sinh và đào tạo từ xa³⁸; ban hành Kế hoạch thực hiện các hoạt động về tuyển sinh, thi tốt nghiệp năm 2024³⁹ và năm 2025⁴⁰ và thực hiện kiểm tra công tác tuyển sinh, đào tạo, thi tốt nghiệp tại các địa phương.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các trường cao đẳng tham gia vào hệ thống phần mềm tuyển sinh chung cùng với giáo dục đại học. Đến nay, đã có 245 trường cao đẳng tham gia phần mềm tuyển sinh chung và thực hiện quy trình xét tuyển trực tuyến theo quy định.

Hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp rà soát, đánh giá thực trạng, năng lực tổ chức đào tạo các ngành, nghề, lĩnh vực mới nổi, kỹ năng mới (trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn, chuyển đổi năng lượng, tín chỉ cacbon, năng lượng hydrogen, logistics, đường sắt cao tốc, du lịch halal,...); chú trọng, đẩy mạnh công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động ở những ngành nghề mới, kỹ năng mới; ban hành văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ về giáo dục nghề nghiệp năm 2024⁴¹ và năm 2025⁴². Theo dõi, quản lý, hướng dẫn các trường thực hiện đào tạo chương trình chất lượng cao; đến nay đã có 33 trường cao đẳng xây dựng chương trình và đăng ký tổ chức đào tạo theo chương trình chất lượng cao với tổng số 107 chương trình đào tạo ở các trình độ trung cấp, cao đẳng; đăng ký quy mô tuyển sinh hàng năm theo chương trình chất lượng cao là 6.355 người. Khuyến khích, tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đăng ký hoạt động, đào tạo ngành, nghề mới đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động⁴³.

Kết quả, năm 2024, giáo dục nghề nghiệp đã tuyển sinh được 2.430.159 người, đạt 100% kế hoạch⁴⁴, trong đó trình độ cao đẳng, trung cấp 448.574 người, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác 1.981.585 người; ước tốt nghiệp năm 2024 là 2.146.000 người, đạt 100% kế hoạch, trong đó trình độ cao đẳng, trung cấp 346.000 người, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác 1.800.000 người. Trong 6 tháng đầu năm 2025, ước tuyển sinh, đào tạo giáo dục nghề nghiệp được khoảng 01 triệu người, trong đó trình độ cao đẳng, trung cấp khoảng 100 nghìn người; trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo khác khoảng 900 nghìn người/Chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu

³⁸ Quyết định số 1377/QĐ-BGDĐT ngày 21/05/2025.

³⁹ Quyết định số 151/QĐ-TCGDNN ngày 01/7/2024 của Tổng cục GDNN

⁴⁰ Công văn số 2457/BGDĐT-GDĐH ngày 19/5/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁴¹ Công văn số 1787/BLĐTĐHXH-TCGDNN ngày 26/4/2024 của Bộ LĐTBXH.

⁴² Công văn số 290/GDNNGD TX-GDCQ ngày 24/4/2025 của Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên.

⁴³ Hiện nay, đã cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài chương trình Kỹ thuật - Công nghệ bán dẫn cho Trường Cao đẳng FPT Polytechnic với quy mô đào tạo là 270 người/năm

⁴⁴ Theo Kế hoạch: Chỉ tiêu tuyển sinh 2.430.000 người (cao đẳng, trung cấp là 530.000 người; sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác là 1.900.000 người); chỉ tiêu tốt nghiệp: 2.146.000 người (cao đẳng, trung cấp là 346.000 người; sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác là 1.800.000 người).

sử dụng lao động của thị trường lao động. Trên 80% người tốt nghiệp có việc làm, trong đó 70% - 75% người tốt nghiệp có việc làm đúng ngành, nghề đào tạo; một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp có uy tín về chất lượng đào tạo, gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp có tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đạt 100% và 85% - 90% người tốt nghiệp có việc làm đúng ngành, nghề đào tạo.

Tiếp tục thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án để đầu tư tập trung đồng bộ cho các ngành, nghề trọng điểm để giáo dục nghề nghiệp phát triển theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; chỉ đạo các địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động xây dựng chương trình chất lượng cao, tăng cường gắn kết giữa với doanh nghiệp và thị trường lao động, đẩy mạnh tổ chức đào tạo thường xuyên, đào tạo lại và các hình thức đào tạo từ xa, vừa làm vừa học.

Khuyến khích các trường trung cấp, cao đẳng căn cứ nhu cầu và tình hình thực tế tại địa phương, chủ động xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo chương trình chất lượng cao theo quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Đến nay, đã có 33 trường cao đẳng xây dựng chương trình và đăng ký tổ chức đào tạo theo chương trình chất lượng cao (đã xây dựng tổng số 107 chương trình đào tạo ở các trình độ trung cấp, cao đẳng; đăng ký quy mô tuyển sinh hàng năm theo chương trình chất lượng cao là 6.355 người).

Triển khai thực hiện Đề án tham dự Kỳ thi kỹ năng nghề thế giới lần thứ 47, Đoàn Việt Nam đã giành được 1 huy chương đồng và 3 chứng chỉ nghề xuất sắc.

b) Tồn tại, hạn chế

Quy mô giáo dục nghề nghiệp còn nhỏ; cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo chưa phù hợp; chất lượng, hiệu quả đào tạo chưa cao, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, tay nghề cao, ngành nghề mới, kỹ năng tiên tiến; hình thức, phương thức đào tạo chậm đổi mới, chưa linh hoạt, đa dạng để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; công tác đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động chưa được chú trọng.

Chất lượng đội ngũ giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp chưa đồng đều giữa các vùng, miền, còn có sự chênh lệch giữa vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với vùng thuận lợi; năng lực ngoại ngữ, tin học và nghiên cứu khoa học của một bộ phận giáo viên, giảng viên và trình độ kỹ năng nghề của giáo viên giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế, chưa có cơ chế để thu hút nghệ nhân, kỹ sư, thợ lành nghề, kỹ năng nghề cao tham gia đào tạo giáo dục nghề nghiệp⁴⁵.

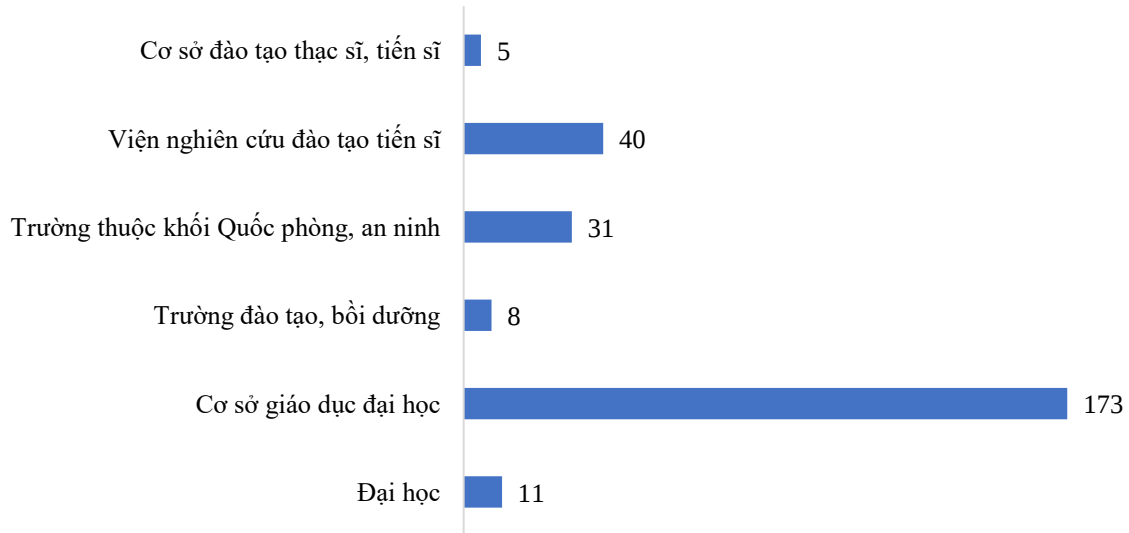
4.2. Giáo dục đại học

a) Kết quả đạt được

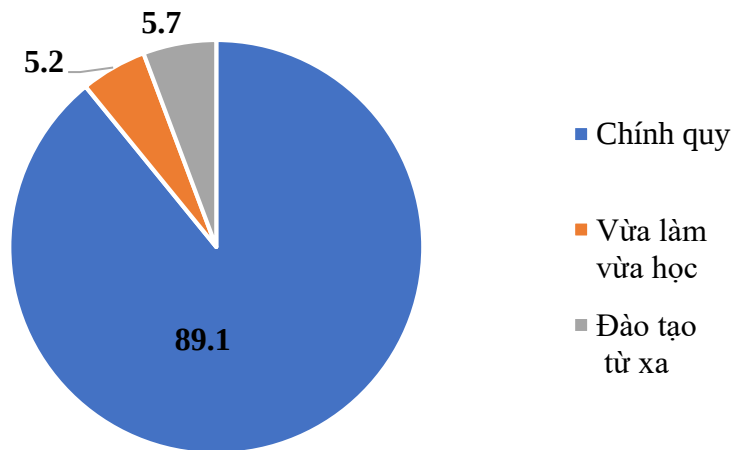
Năm học 2024 - 2025, cả nước có 335 cơ sở đào tạo có hoạt động giáo dục đại học từ trình độ đại học đến tiến sĩ với mô hình khá đa dạng: các cơ sở giáo dục

⁴⁵ Hiện chưa có cơ chế cụ thể công nhận và trả lương cho người dạy trong doanh nghiệp như một số nước có hệ thống dạy nghề phát triển như Cộng hòa Liên bang Đức, Hàn Quốc. Chưa có tiêu chuẩn nghề nhân, chuyên gia, cán bộ của doanh nghiệp tham gia vào đào tạo nghề.

đại học; các trường đào tạo, bồi dưỡng có hoạt động giáo dục đại học; khối các trường đào tạo đặc thù quốc phòng, an ninh; các viện, học viện tổ chức đào tạo bậc sau đại học với tổng quy mô sinh viên là 2.622.752 (*tăng 267.041 so với năm học trước*), trong đó hệ chính quy chiếm tỷ lệ 89,1%, hệ vừa học vừa làm chiếm tỷ lệ 5,2% và hệ đào tạo từ xa chiếm tỷ lệ 5,7%; số học viên cao học là 118.723 (*tăng 267.041 so với năm học trước*) và số nghiên cứu sinh là 13.792 (*tăng 267.041 so với năm học trước*).



Tổng số cơ sở đào tạo có hoạt động giáo dục đại học năm học 2024 - 2025⁴⁶



Cơ cấu sinh viên năm học 2024 - 2025

Năm học 2024 - 2025, Bộ GDĐT đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và tổ chức triển khai nhiều Đề án quan trọng để nâng cao chất lượng đại tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, như: Đề án phát triển hệ thống trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ 4.0 đến năm 2030⁴⁷; phát triển Đại học Bách khoa Hà Nội thuộc nhóm các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu

⁴⁶ 11 đại học gồm: 02 Đại học quốc gia, 03 đại học vùng, 06 đại học; 05 cơ sở đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ gồm: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Học viện Khoa học và Công nghệ, Học viện Khoa học Xã hội.

⁴⁷ Quyết định số 374/QĐ-TTg ngày 19/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Châu Á⁴⁸; đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035 và định hướng tới năm 2045⁴⁹; Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2050⁵⁰; Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực phục vụ phát triển điện hạt nhân đến năm 2035” và Chương trình “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050”⁵¹. Bộ GDĐT đã ký Quyết định số 1314/QĐ-BGDĐT ngày 13/5/2025 ban hành Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ.

Bộ GDĐT đã hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học xây dựng Đề án về Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050 và Chương trình phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn; ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học⁵² và Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ⁵³.

- Về công tác tuyển sinh và đào tạo:

Bộ GDĐT đã sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non⁵⁴, theo đó cơ bản giữ ổn định như năm trước để tạo thuận lợi cho thí sinh và các cơ sở giáo dục, đào tạo; chỉ có một số điều chỉnh kỹ thuật tập trung vào việc làm rõ hơn quy định⁵⁵. Đồng thời, thành lập Ban Chỉ đạo Tuyển sinh cấp quốc gia có sự tham gia của đại diện một số bộ, ngành, địa phương liên quan để chỉ đạo toàn diện, phối hợp đồng bộ các hoạt động tuyển sinh trên cả nước; công bố ngưỡng năm 2025 điểm sàn đối với khối ngành đào tạo giáo viên và khối ngành sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề⁵⁶; ban hành một số văn bản hướng dẫn nghiệp vụ⁵⁷.

⁴⁸ Quyết định số 663/QĐ-TTg ngày 25/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴⁹ Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

⁵⁰ Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

⁵¹ Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 13/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

⁵² Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2025.

⁵³ Quyết định số 1314/QĐ-BGDĐT ngày 13/05/2025.

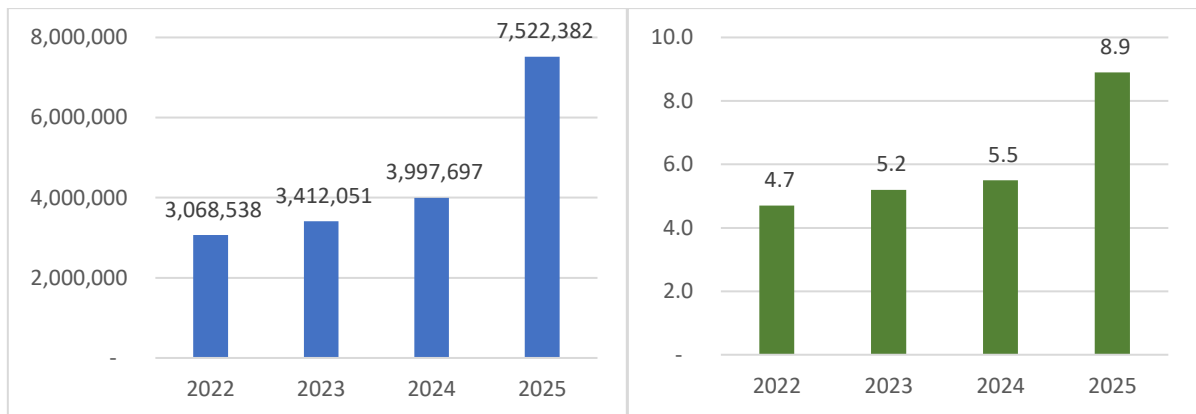
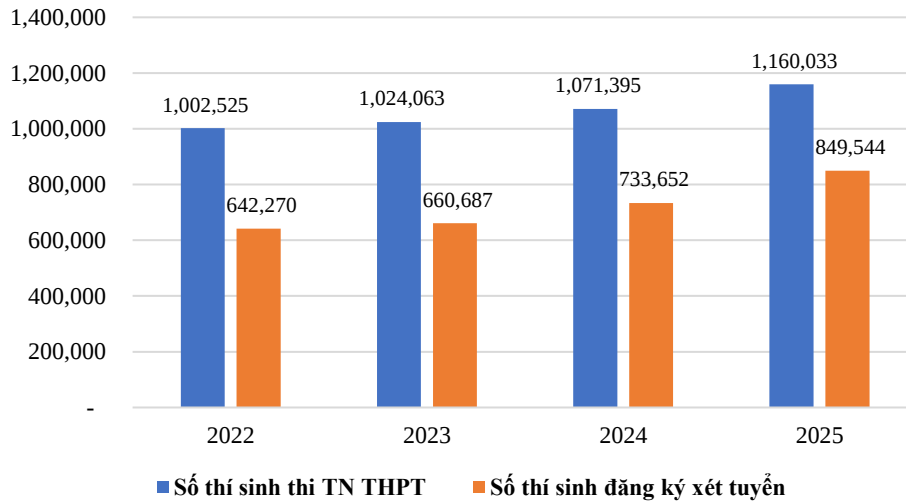
⁵⁴ Thông tư 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non với một số điểm mới.

⁵⁵ Như: không còn xét tuyển sớm; dùng kết quả học tập cả năm lớp 12 để xét tuyển; công khai quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển; không giới hạn số tổ hợp xét tuyển; sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp để quy đổi thành điểm môn ngoại ngữ trong xét tuyển; tổng điểm cộng không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét; thí sinh trúng tuyển thẳng phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống nghiệp vụ và xác nhận nhập học; kết nối cơ sở dữ liệu ngành – HEMIS – các phần mềm: chỉ tiêu, nhập học...; xác định chỉ tiêu tuyển sinh qua kết nối HEMIS; tiếp tục hỗ trợ các cơ sở đào tạo sử dụng kết quả điểm đánh giá năng lực, đánh giá tư duy (nếu có), thi năng khiếu lên Hệ thống; thực hiện đơn giản hoá việc đăng ký xét tuyển (thí sinh đăng ký xét tuyển theo ngành, không chọn nguồn cung cấp dữ liệu xét tuyển); thí sinh xét tuyển trình độ cao đẳng sẽ đăng ký trên hệ thống; cung cấp thông tin, minh chứng ưu tiên theo đối tượng, khu vực ngay khi thí sinh đăng ký dự thi.

⁵⁶ Quyết định số 2009/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2025, Quyết định số 2100/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2025.

⁵⁷ (1) Quyết định số 1363/QĐ-BGDĐT ngày 19/5/2025 của Kế hoạch tuyển sinh 2025; (2) Công văn số 2457/BGDĐT-GDĐH ngày 19/5/2025 hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng với các điểm cần lưu ý, triển khai theo kế hoạch với thí sinh, CSĐT, Sở GDĐT, Bộ GDĐT; (3) Công văn số 470/BGDĐT-GDĐH ngày 25/2/2025 hướng dẫn xác định chỉ tiêu tuyển sinh đã được gửi đến các CSĐT; (4) Công văn số 2834/BGDĐT-GDĐH ngày 4/6/2025 hướng dẫn xây dựng Thông tin tuyển sinh; (5) Công văn số 1551/BGDĐT-GDĐH ngày 4/4/2025 hoàn thành cập nhật CSDL trên HEMIS; Công văn số 4222/BGDĐT-GDĐH ngày 21/7/2025 hướng dẫn các CSĐT xác định mức điểm chênh lệch hợp lý giữa các tổ hợp xét tuyển cho cùng một ngành, đảm bảo sự công bằng tương đối cho thí sinh dựa trên kết quả phân tích phổ điểm thi tốt nghiệp THPT; (6) Công văn số 185/BGDĐT-GDĐH ngày 11/3/2025 về việc cập nhật CSDL ưu tiên và danh mục trường THPT; (7) Công văn số 1586/BGDĐT-GDĐH ngày 9/4/2025 tổ chức tuyển sinh 2025; (8) Công văn số 2864/BGDĐT-GDĐH ngày 6/6/2025 rà soát thông tin tuyển sinh; (8) Công văn số 4525/BGDĐT-GDĐH ngày 1/8/2025 đôn đốc lọc ảo.

Đến nay, có 849.544 thí sinh đăng ký xét tuyển đợt 1, chiếm tỷ lệ 73,23% tổng số thí sinh đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông (*tăng 115.892 thí sinh so với năm 2024*) với tổng số 7.615.560 nguyện vọng xét tuyển (*tăng 3.617.863 nguyện vọng so với năm 2024*), trung bình 8,86 nguyện vọng/thí sinh⁵⁸.



Số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển

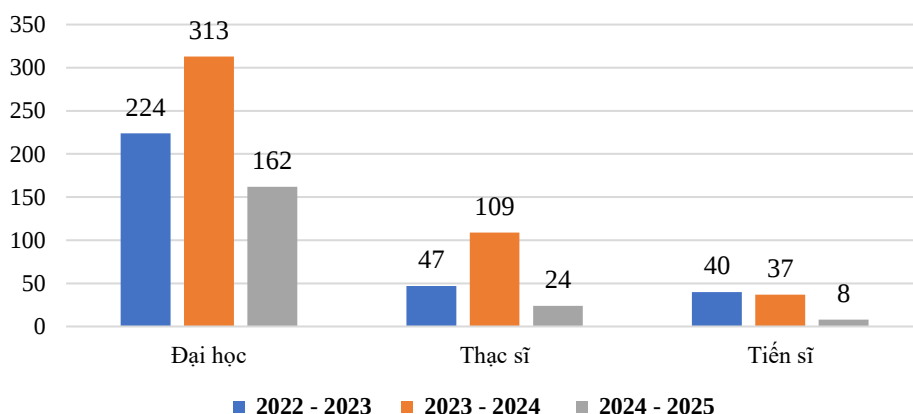
Tỷ lệ nguyện vọng đăng ký xét tuyển/thí sinh

Quy mô, số lượng đăng ký xét tuyển đại học cả nước năm 2025

Quy mô và chất lượng giáo dục đại học ngày càng tăng; trong đó, các ngành STEM có xu hướng tăng đáng kể, cao hơn mức tăng chung của tuyển sinh cả nước, đặc biệt là các lĩnh vực Toán và thống kê, Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật (Khỏi ngành V) ở các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ⁵⁹. Hoạt động mở ngành/chương trình đào tạo của 335 cơ sở đào tạo năm 2025 tăng chậm hơn so với những năm trước đây do yêu cầu của chuẩn chương trình ngày càng tăng hơn.

⁵⁸ So với các năm trước, số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển đại học tăng lên, đồng thời số nguyện vọng tăng theo (do năm 2025 không thực hiện xét tuyển sớm như năm trước, các thí sinh phải nhập tất cả các nguyện vọng đăng ký xét tuyển lên hệ thống nghiệp vụ tuyển sinh nên tỉ lệ nguyện vọng/thí sinh tăng lên).

⁵⁹ Theo thống kê ban đầu tuyển sinh năm 2025, đợt 1 Kế hoạch tuyển sinh chung toàn hệ thống: Tổng số thí sinh STEM đăng ký nguyện vọng 1 (NV1) đạt 222.454 thí sinh, cao hơn 23.576 thí sinh so với tổng thí sinh nhập học STEM năm 2024 (tăng 41.881 nếu chỉ tính đợt 1 năm 2024); Các ngành Khoa học máy tính và công nghệ thông tin: 54.359 thí sinh đăng ký NV1 (cao hơn 2.183 thí sinh so với nhập học đợt 1 năm 2024); riêng Ngành trí tuệ nhân tạo có 2754 thí sinh đăng ký.



Số ngành đào tạo mở theo năm học⁶⁰

Chất lượng giáo dục đại học ngày càng được nâng cao, các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam được xếp hạng cao trên các bảng xếp hạng uy tín quốc tế. Năm 2024 (theo số liệu công bố ngày 06/11/2024 của QS), có 06 cơ sở đào tạo nằm trong danh sách QS World ranking (bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới) và 17 cơ sở đào tạo nằm trong danh sách QS Asia University Ranking (bảng xếp hạng các trường đại học Châu Á); 09 cơ sở giáo dục đại học được xếp hạng trong bảng xếp hạng uy tín quốc tế THE World University Rankings 2025 (THE - Times Higher Education)⁶¹, trong đó Đại học Kinh tế TP.HCM lần đầu tiên góp mặt đã đạt thứ hạng cao nhất (nhóm 501-600), tiếp theo là Trường Đại học Duy Tân và Trường Đại học Tôn Đức Thắng (nhóm 601-800).

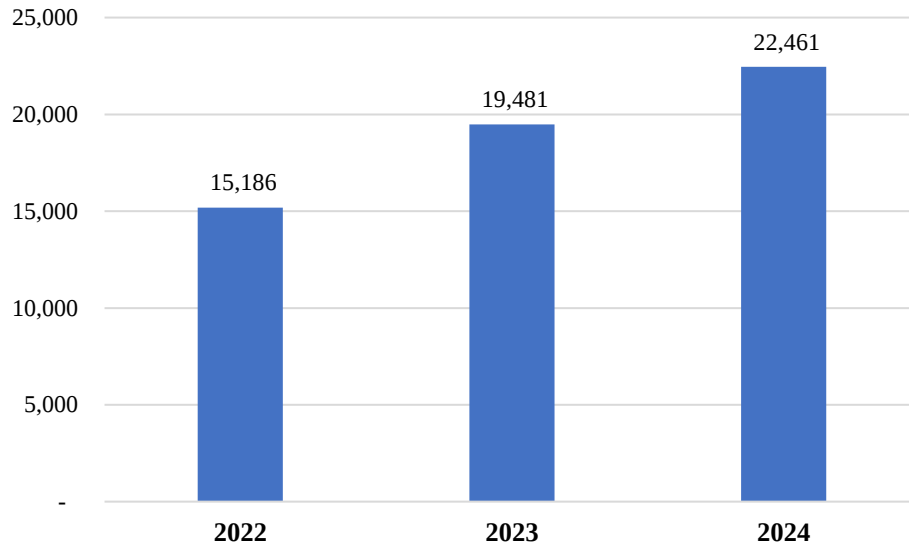
- Về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo:

Công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, đặc biệt là Trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn, đã được thúc đẩy. Bộ GDĐT đã giao thực hiện 253 đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ cho các cơ sở giáo dục đại học và viện nghiên cứu trực thuộc Bộ. Nhiều trường đã chủ động thành lập các nhóm nghiên cứu liên ngành, hợp tác với doanh nghiệp và viện nghiên cứu uy tín để nâng cao số lượng và chất lượng công bố khoa học. AI đã được tích hợp vào các phần mềm hỗ trợ giáo viên tạo đề thi, chấm bài và hỗ trợ kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu trong quản lý.

Công bố khoa học của các cơ sở đào tạo ngày càng gia tăng về số lượng và chất lượng trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus. Từ năm 2022 đến nay, trung bình số lượng bài báo tăng từ 12-15%/năm, số cơ sở giáo dục có tác giả công bố quốc tế cũng tăng đều hằng năm. Tuy nhiên, về tổng thể số lượng bài báo quốc tế trên quy mô giảng viên đại học còn thấp (0,25 bài báo/giảng viên); tổng số cơ sở giáo dục đào tạo từ trình độ đại học trở lên công bố quốc tế năm 2024 là 96. Kết quả công bố khoa học tăng nhưng chưa đồng đều, tập trung ở một số đại học, trường đại học lớn.

⁶⁰ Năm học 2024 - 2025 thống kê đến ngày 31/7/2025.

⁶¹ Gồm: Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; Đại học Duy Tân; Trường đại học Tôn Đức Thắng; Trường đại học Y Hà Nội; Trường đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh; Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Bách khoa Hà Nội; Đại học Huế; Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.



Công bố khoa học trên hệ thống danh mục Scopus

Công tác gắn kết giữa cơ sở giáo dục, đào tạo với doanh nghiệp và thị trường lao động được đẩy mạnh. Nhiều hình thức hợp tác được triển khai như đào tạo theo hợp đồng, thí điểm hội đồng kỹ năng ngành, thúc đẩy PPP và hợp tác trong các dự án ODA. Các hoạt động hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp tiếp tục được triển khai thông qua Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025". Bộ GDĐT đã khuyến khích học sinh, sinh viên tham dự Cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp”. Quá trình chuyển giao khoa học công nghệ của các nhóm nghiên cứu mạnh trong các cơ sở giáo dục đại học đã thu hút đầu tư của các doanh nghiệp cho phát triển các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu trong các trường đại học, đặc biệt đối với các trường đại học thuộc khối kỹ thuật như Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng...⁶². Các cơ sở giáo dục đại học đã chủ động tăng cường hợp tác nghiên cứu với các doanh nghiệp, các tổ chức, đơn vị, cá nhân khác nhằm giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn đặt ra, đồng thời huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để phát triển khoa học, công nghệ. Nhiều sản phẩm là kết quả nghiên cứu của các lĩnh vực như vật liệu mới, cơ khí, điện tử, tự động hóa, nhiệt - lạnh, y - sinh, các chế phẩm sinh học, các sản phẩm nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường... đã được chuyển giao cho doanh nghiệp, thương mại hóa và phục vụ trực tiếp đời sống, góp phần phát triển kinh tế, xã hội. Ngoài ra, hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, hoạt động đổi mới sáng tạo, hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên cũng đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực.

b) Tồn tại, hạn chế

Đào tạo nhân lực trình độ cao, chất lượng cao chưa thực sự đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường lao động, nhất là ở một số ngành khoa học, kỹ thuật và công nghệ; một tỉ lệ không nhỏ sinh viên tốt nghiệp thiếu kỹ năng làm việc.

⁶² Ví dụ như, ở Đại học Quốc gia Hà Nội đã hình thành các phòng thí nghiệm do Toshiba, Samsung tài trợ tại Trường Đại học Công nghệ và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đã thu hút được đầu tư từ khối các doanh nghiệp của Nhật Bản lên đến 7 triệu USD cho phát triển phòng thí nghiệm phát triển năng lượng sạch sản xuất Biodiegen...

Các đề án phát triển nguồn nhân lực cao chủ yếu được ban hành trong các năm 2024 và 2025, trong đó có nhiều ngành đào tạo mới chưa có tiền lệ, chưa có thời gian nghiên cứu dài và thiếu nguồn lực đầu tư nên chưa đánh giá được hiệu quả thực hiện các đề án.

5. Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất, thể thao

5.1. Giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, xây dựng văn hóa học đường

a) Kết quả đạt được

Bộ GDĐT ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục và đào tạo tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên”, trong đó chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong ngành giáo dục; tăng cường các hoạt động quản lý, giáo dục và đảm bảo an toàn cho trẻ em, học sinh, sinh viên trong dịp hè năm 2025⁶³; tăng cường công tác theo dõi, quản lý, chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình; tăng cường nắm bắt tư tưởng học sinh, sinh viên qua mạng xã hội...

Bộ GDĐT ký kết chương trình phối hợp Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh⁶⁴ nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ; phối hợp với Bộ Công an nắm bắt tình hình ở các địa phương, nhà trường, thông tin về những vấn đề có liên quan đến công tác đảm bảo an ninh chính trị nội bộ trường học; phối hợp với đơn vị an toàn thông tin và các đơn vị liên quan xây dựng Mạng lưới ứng cứu và bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; vận hành Cổng thông tin điện tử của Mạng lưới⁶⁵; phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm học 2024 - 2025; phối hợp với Trung ương Đoàn, Hội Sinh viên, Hội Đồng Đội lựa chọn, bình xét, tuyên dương trao thưởng cho học sinh, sinh viên có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua và đạt giải cao tại các kỳ thi quốc gia, quốc tế⁶⁶.

Chỉ đạo biên soạn bộ tài liệu hướng dẫn giảng dạy tích hợp nội dung “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 dành cho giáo viên và đưa vào sử dụng trong các nhà trường phổ thông; tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, lý tưởng cách mạng cho hơn 9.000 cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán, cán bộ Đoàn, Đội trong các cơ sở giáo dục phổ thông với hơn 300 điểm cầu trên toàn quốc.

b) Tồn tại, hạn chế

⁶³ Công văn số 2414/BGDĐT-HSSV ngày 16/5/2025.

⁶⁴ Chương trình số 1657/CTr-BGDĐT-TWĐTN ngày 11/11/2024 giữa ngành Giáo dục và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

⁶⁵ Tại địa chỉ: <https://vn-cop.vn/>

⁶⁶ 59 sinh viên đạt danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”, 47 học sinh đạt danh hiệu “Học sinh 3 tốt”, 21 học sinh đạt danh hiệu “Học sinh 3 rèn luyện”, 45 học sinh đạt giải thưởng “Kim Đồng”, 54 sinh viên đạt giải thưởng “Sao Tháng giêng”.

Phương pháp giáo dục đạo đức, lối sống tại một số cơ sở giáo dục còn đơn điệu, hình thức, thiếu tương tác và chưa tạo được sự chủ động từ học sinh. Nhiều trường gặp khó khăn về nhân lực, cơ sở vật chất, thời gian để tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống. Tình trạng bạo lực học đường, học sinh, sinh viên vi phạm pháp luật vẫn còn diễn ra ở một vài nơi.

Tổ chức Đoàn, Hội, Đội tại một số trường chưa được chú trọng, đặc biệt là trường ngoài công lập; cán bộ phụ trách chưa được hỗ trợ đầy đủ về chế độ, chính sách. Một bộ phận phụ huynh chưa quan tâm phối hợp với nhà trường, còn có sự mâu thuẫn trong định hướng giáo dục giữa gia đình và xã hội.

5.2. Công tác giáo dục quốc phòng và an ninh; công tác quân sự, quốc phòng; phòng chống khủng bố và phòng thủ dân sự

a) Kết quả đạt được

Bộ GDĐT, Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương đã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn về thực hiện nhiệm vụ công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục⁶⁷, tăng cường công tác kiểm tra nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, nhà trường của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, chương trình; phương pháp giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh; phương pháp lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông cho các cán bộ quản lý, giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh cốt cán trên phạm vi cả nước⁶⁸,

Các trường tiểu học, trung học cơ sở thực hiện dạy học lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh⁶⁹ đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo phương pháp, hình thức lồng ghép, không làm ảnh hưởng đến thời lượng và cấu trúc bài dạy, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Các trường trung học phổ thông thực hiện theo Chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh⁷⁰ đã chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục, phân phối nội dung chương trình cho cả năm học phù hợp với đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, vũ khí, trang thiết bị của nhà trường. Đồng thời, thực hiện kiểm tra, đánh giá môn học trên cơ sở định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh bảo đảm trung thực, khách quan, công bằng, chính xác kết quả học tập của học sinh⁷¹.

⁶⁷ Quyết định số 2236/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2024 ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025 của ngành Giáo dục; Quyết định số 4326/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2024 ban hành Bộ mẫu thiết bị dạy học môn học GDQPAN; Hướng dẫn số 5986/BGDĐT-GDQPAN ngày 30/9/2024 về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh năm học 2024-2025; Kế hoạch số 366/KH-HĐGDQP&ANTW ngày 22/01/2025 của HĐGDQP&ANTW về ban hành Kế hoạch GDQPAN năm 2025.

⁶⁸ Đã tổ chức tập huấn cho 439 cán bộ quản lý, giáo viên GDQPAN.

⁶⁹ Theo Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024.

⁷⁰ Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2020/TT-BGDĐT ngày 24/11/2020.

⁷¹ Năm học 2024-2025 đã có 2879500 học sinh trung học phổ thông được đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh.

Thông qua giáo dục quốc phòng và an ninh, kết hợp với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, rèn luyện thể chất, kiến thức pháp luật, bảo đảm giáo dục, rèn luyện cho học sinh các cấp phát triển tư duy, bồi dưỡng nhân cách, kỹ năng sống, nâng cao tinh thần đoàn kết, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, yêu chủ nghĩa xã hội, tự hào đối với truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc, có kiến thức cơ bản và kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới.

b) Tồn tại, hạn chế

Đội ngũ giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh còn thiếu, chất lượng chưa đáp ứng kịp với yêu cầu phát triển, số lượng giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh tại các trường trung học phổ thông chưa qua đào tạo chuyên môn về giáo dục quốc phòng và an ninh, giảng dạy kiêm nhiệm nhiều dẫn đến phương pháp, kỹ năng giảng dạy các nội dung thực hành còn bộc lộ nhiều hạn chế. Nhiều địa phương chưa quan tâm bảo đảm chế độ, chính sách cho giáo viên, chưa thu hút được giáo viên vì vậy có chỉ tiêu nhưng không tuyển dụng được giáo viên.

Đầu tư cơ sở vật chất, phòng học bộ môn còn hạn chế; thao trường, sân bãi phục vụ giảng dạy, luyện tập các nội dung chiến thuật, bắn súng, ném lựu đạn và điều lệnh đội ngũ tại nhiều trường trung học phổ thông chưa được quan tâm đúng mức để đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

5.3. Giáo dục kỹ năng, công tác xã hội, tư vấn tâm lý, phối hợp gia đình - nhà trường - xã hội

a) Kết quả đạt được

Bộ GDĐT đã ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo công tác giáo dục kỹ năng; về công tác xã hội và tư vấn tâm lý trường học⁷². Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện chương trình hiện hành; xây dựng kế hoạch⁷³ chú trọng giáo dục kỹ năng và giá trị sống, rèn luyện, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; đổi mới phương pháp dạy và học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; tăng cường giáo dục kiến thức an toàn giao thông, giáo dục kỹ năng và kiến thức khi tham gia mạng xã hội, nhận biết và phòng tránh lừa đảo trên không

⁷² Công văn số 4654/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 23/8/2024 hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác học sinh, sinh viên năm học 2024 - 2025; Kế hoạch số 329/KH-BGDĐT ngày 26/3/2025 về việc triển khai Chương trình công tác xã hội, tư vấn tâm lý tại các cơ sở giáo dục năm 2025; Kế hoạch số 330/KH-BGDĐT ngày 26/3/2025 về việc triển khai Chương trình hợp tác giữa Bộ GDĐT và Room to Read về hỗ trợ tư vấn tâm lý học đường và giáo dục các kỹ năng cơ bản nhằm đạt được các phẩm chất, năng lực quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp THCS và THPT năm 2025.

⁷³ Kế hoạch số 1087/KH-BGDĐT ngày 16/08/2024 về việc tổ chức biên soạn tài liệu; tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú.

Kế hoạch số 258/KH-BGDĐT ngày 12/3/2025 ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên.

gian mạng, sử dụng công nghệ thông tin an toàn, hiệu quả, kỹ năng nghề nghiệp và việc làm, giáo dục kỹ năng sống gắn với an toàn nghề nghiệp, giáo dục kỹ năng sống toàn diện cho tương lai giáo viên. Đồng thời, tổ chức các cuộc Tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục về cao năng lực tư vấn tâm lý học đường cho giáo viên chủ nhiệm.

Bộ GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho HS, hỗ trợ cha mẹ học sinh chủ động phối hợp với nhà trường xây dựng và thực hiện các nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử trong gia đình cho thanh thiếu nhi, học sinh, sinh viên; hỗ trợ nhà trường trong quá trình giáo dục học sinh, quan tâm kịp thời đối với thanh thiếu nhi, học sinh hoàn cảnh khó khăn, cá biệt, yếu thế; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoài giờ lên lớp. Từ đó, từng bước thu hút học sinh tham gia các hoạt động bổ ích, hạn chế các nhân tố gây nên nguy cơ dẫn đến bạo lực học đường góp phần xây dựng và bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

b) Tồn tại, hạn chế

Nội dung giáo dục kỹ năng còn dàn trải, hình thức đơn điệu, học sinh thiếu kỹ năng sống, kỹ năng số, dễ bị ảnh hưởng bởi thông tin độc hại trên mạng.

Việc triển khai văn bản chỉ đạo về công tác xã hội, tư vấn tâm lý ở nhiều địa phương còn lúng túng, thiếu nguồn lực, nội dung tư vấn chưa phù hợp với nhu cầu người học. Một số địa phương, cơ sở giáo dục chưa chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Đặc biệt, các vùng sâu, vùng xa gặp khó khăn trong thu hút nguồn lực xã hội, thiếu chuyên gia, cơ sở vật chất hạn chế, hoạt động ngoại khóa nghèo nàn và truyền thông chưa kịp thời.

5.4. Tăng cường các hoạt động thể dục, thể thao và y tế học đường

a) Kết quả đạt được

Bộ GDĐT đã ban hành Công văn về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học năm học 2024 -2025⁷⁴; triển khai tổng kết Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2021 - 2025⁷⁵; chỉ đạo tiếp tục thực hiện các tài liệu, hướng dẫn về việc tổ chức bữa ăn học đường đảm bảo an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng hợp lý kết hợp với hoạt động vận động thể lực⁷⁶.

Phối hợp chặt chẽ với Bộ Y tế trong việc hoàn thiện thể chế, xây dựng chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn và phát triển công tác y tế trường học, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh, sinh viên, như: xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (các nội dung liên quan đến bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên); dự án Luật Phòng bệnh và Luật Dân số (các nội dung quy định cụ thể về công tác y tế trường học, dinh dưỡng học đường trong phòng bệnh); xây dựng các chỉ số sức khỏe và nội dung chuyên môn cần đưa vào hồ sơ sức khỏe điện tử

⁷⁴ Công văn số 4719/BGDĐT-GDTC ngày 27/8/2024.

⁷⁵ Kế hoạch số 311/KH-BGDĐT ngày 21/3/2025.

⁷⁶ Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2024; Quyết định số 4280/QĐ-BGDĐT ngày 14/12/2022; Quyết định số 433/QĐ-BGDĐT ngày 30/1/2024; Quyết định số 432/QĐ-BGDĐT ngày 30/1/2024.

học sinh⁷⁷ và từng bước hoàn thiện các trường thông tin đối với các chỉ số cơ bản về sức khỏe của học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục...

Chỉ đạo các địa phương, cơ sở giáo dục tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại các chương trình, đề án như: Đề án đảm bảo dinh dưỡng hợp lý kết hợp với hoạt động vận động thể lực nâng cao sức khỏe học sinh, sinh viên giai đoạn 2018 -2025, Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình Y tế trường học gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025, sơ kết Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030⁷⁸. Đồng thời, chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh trong trường học và đẩy nhanh tiêm chủng vắc xin phòng, chống dịch bệnh cho trẻ em, học sinh theo hướng dẫn của Bộ Y tế và Chương trình tiêm chủng quốc gia⁷⁹, đẩy nhanh tiêm chủng vắc xin phòng, chống bệnh Sởi⁸⁰ và tiếp tục triển khai đồng bộ và hiệu quả việc kiểm tra tiền sử và tiêm chủng bù liều cho trẻ mầm non và tiểu học.

Tổ chức thành công nhiều hoạt động thể dục, thể thao cho học sinh, sinh viên như: Giải Thể thao học sinh phổ thông toàn quốc năm 2025 tại thành phố Huế từ ngày 09/6 đến ngày 16/6/2025⁸¹; Giải chạy học sinh S-Race 2025 tại Hà Tĩnh (ngày 29/3/2025)⁸².

b) Tồn tại, hạn chế

Việc triển khai Chương trình môn học Giáo dục thể chất còn chậm đổi mới về nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên còn thiếu, quỹ đất dành cho hoạt động thể thao ở nhiều địa phương chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác đánh giá chất lượng giáo dục thể chất chưa hiệu quả, thiếu số liệu thực tiễn. Hoạt động tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên giáo dục thể chất còn hạn chế.

Một số địa phương chưa đạt các chỉ tiêu quốc gia về chăm sóc trẻ em, đặc biệt là hỗ trợ tâm lý, học sinh khuyết tật và giảm bỏ học. Công tác y tế trường học còn nhiều hạn chế như thiếu nhân lực chuyên trách, cơ sở vật chất chưa đạt chuẩn, bữa ăn bán trú chưa được kiểm soát chặt chẽ, và chưa có chế tài đủ mạnh với thức ăn đường phố, thuốc lá quanh trường.

6. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

⁷⁷ Công văn số 2598/BGDĐT-HSSV ngày 23/5/2025.

⁷⁸ Công văn số 4719/BGDĐT-GDTC ngày 27/8/2024 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học năm học 2024-2025.

⁷⁹ Công văn số 1151/BGDĐT-HSSV ngày 18/3/2025;

⁸⁰ Tham gia Hội thảo sơ kết Kế hoạch số 980/KH-BYT-BGDĐT triển khai kiểm tra tiền sử và tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học thuộc 18 tỉnh, thành phố; báo cáo kết quả hoạt động công tác tiêm chủng theo Nghị quyết số 41/2021/QH15 ngày 13/11/2021 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 2;

⁸¹ Giải tổ chức thi đấu 05 môn thể thao gồm: Bóng đá, Bóng rổ, Bơi, Điền kinh và Vovinam với sự tham gia thi đấu có 53 đơn vị Sở GDĐT trên toàn quốc, 2223 vận động viên - HS. Ban Tổ chức đã trao 01 Cờ Nhất, 01 cờ Nhì, 02 cờ Ba và 06 cờ khuyến khích ở mỗi môn thể thao; trao 186 bộ huy chương ở 5 môn thi.

⁸² Giải có sự tham dự của hơn 10.548 người, trong đó gần 4283 người tại điểm cầu trực tiếp thành phố Hà Tĩnh và hơn 6265 người tham gia hưởng ứng tại 11 huyện/thị xã của tỉnh Hà Tĩnh.

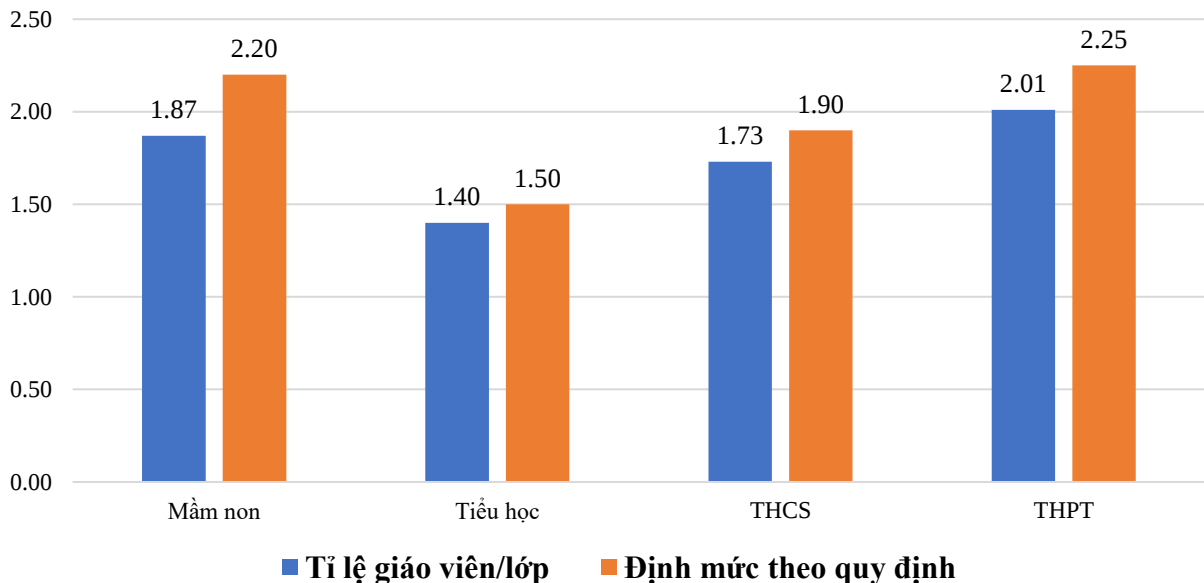
a) Kết quả đạt được

Năm học 2024 - 2025, công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần đảm bảo sự thành công của việc triển khai Chương trình giáo dục mầm non, phổ thông.

Về số lượng và cơ cấu đội ngũ, tính đến hết năm học 2024 - 2025, tổng số giáo viên mầm non, phổ thông trên cả nước là 1.273.355 giáo viên⁸³ (bao gồm cả công lập và ngoài công lập), tăng 21.978 giáo viên so với năm học 2023 - 2024. Tổng số cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông là 98.903 người⁸⁴, giảm 509 cán bộ quản lý so với năm học 2023 - 2024. Cơ cấu đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý theo từng cấp học đã được duy trì và điều chỉnh phù hợp.

Về công tác tuyển dụng và bổ sung biên chế, Bộ GDĐT đã phối hợp với Bộ Nội vụ đề xuất Trung ương bổ sung 10.304 biên chế giáo viên cho năm học 2024 - 2025, đây là phần còn lại trong tổng số 65.980 biên chế giáo viên được bổ sung cho các địa phương trong giai đoạn 2022 - 2026. Đến tháng 5/2025, các địa phương đã tuyển dụng được 19.246 giáo viên cho các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập, bao gồm 6.163 giáo viên mầm non, 7.194 giáo viên tiểu học, 4.191 giáo viên trung học cơ sở và 1.698 giáo viên trung học phổ thông.

Tỉ lệ giáo viên/lớp bình quân cả nước của tất cả các cấp học năm học 2024 - 2025 đều thấp hơn định mức quy định; cấp học mầm non có tỷ lệ giáo viên/lớp thấp nhất cả nước là khu vực miền núi phía Bắc; cấp tiểu học thấp nhất là khu vực Đồng bằng Sông Hồng và khu vực Đông Nam Bộ; cấp trung học cơ sở thấp nhất là khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Hồng; cấp trung học phổ thông thấp nhất là khu vực Đồng bằng Sông Hồng.



Tỷ lệ giáo viên/lớp năm học 2024 - 2025

⁸³ Trong đó, công lập có 1.117.330 giáo viên, ngoài công lập có 156.025 giáo viên.

⁸⁴ Trong đó, công lập có 89.679 người, ngoài công lập có 9.224 người.

Về đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng, tính đến hết năm học 2024 - 2025, tỷ lệ giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019 là: 90,5% đối với giáo dục mầm non, 91,9% đối với cấp tiểu học, 94,8% đối với cấp trung học cơ sở và 99,9% đối với cấp trung học phổ thông. Bên cạnh đó, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học cũng được chú trọng, giúp giáo viên làm quen với các công cụ hỗ trợ giảng dạy thông minh.

Về hoàn thiện thể chế, chính sách, một trong những điểm nhấn quan trọng trong năm học 2024 - 2025 là việc Bộ GDĐT đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật Nhà giáo (Luật số 73/2025/QH15). Đây là văn bản pháp lý cao nhất, luật hóa các chủ trương của Đảng về phát triển đội ngũ nhà giáo, mở ra kỷ nguyên mới trong sự nghiệp “trồng người”. Cùng với Luật Nhà giáo, Bộ GDĐT cũng hoàn thiện các văn bản quy định về chức danh nghề nghiệp⁸⁵, chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tư vấn học sinh⁸⁶, và quy định chế độ làm việc cho giáo viên phổ thông, dự bị đại học⁸⁷. Việc rà soát, sửa đổi các quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý⁸⁸ cũng đã được triển khai. Các chính sách về tiền lương, phụ cấp ưu đãi nghề và các chính sách đặc thù khác đối với nhà giáo cũng được quan tâm, giúp tăng thêm thu nhập cho giáo viên mới tuyển dụng và giáo viên được thăng hạng.

b) Tồn tại, hạn chế

Tình trạng thiếu giáo viên vẫn còn tồn tại ở nhiều địa phương, nhất là giáo viên dạy các môn học mới (các môn tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật), gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện chương trình và kế hoạch dạy học. Tính đến tháng 5/2025, cả nước còn thiếu 102.097 giáo viên các cấp học mầm non, phổ thông trong biên chế so với định mức quy định (trong đó cấp mầm non thiếu 30.057 giáo viên, cấp tiểu học thiếu 22.255 giáo viên, cấp trung học cơ sở thiếu 30.702 giáo viên, cấp THPT thiếu 19.083 giáo viên).

Cơ cấu đội ngũ nhà giáo còn mất cân đối giữa các môn học trong cùng một cấp học, giữa các vùng miền có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau; chỉ tiêu biên chế phân bổ giáo viên cho các địa phương đa số thấp hơn so với nhu cầu thực tế. Tỷ lệ giáo viên/lớp ở các cấp học đều thấp hơn định mức quy định của Bộ GDĐT.

Một bộ phận nhỏ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục ngại đổi mới, chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của công tác bồi dưỡng thường xuyên nên việc bồi dưỡng còn hình thức, đối phó, thời gian dành cho việc tự học, tự bồi dưỡng còn hạn chế. Chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục không đồng đều, đặc biệt là ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, còn khoảng cách lớn so với các vùng thuận lợi.

⁸⁵ Thông tư số 11/2024/TT-BGDĐT.

⁸⁶ Quyết định 1311/QĐ-BGDĐT năm 2025.

⁸⁷ Thông tư 05/2025/TT-BGDĐT ngày 7/3/2025.

⁸⁸ Thông tư 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025.

7. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục.

a) Kết quả đạt được

Về đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học, các địa phương đã tích cực rà soát, quy hoạch mạng lưới trường, lớp học, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Cả nước có 618.284 phòng học các cấp học mầm non, phổ thông công lập; trong đó, số phòng học kiên cố 554.142 phòng⁸⁹, đạt tỷ lệ kiên cố hóa là 89,6%, cụ thể theo cấp học như sau: (i) Mầm non: tỷ lệ trung bình phòng học/lớp 0,99; tỷ lệ kiên cố hóa 85,23%; sĩ số trung bình là 25,9 trẻ em/lớp, nhóm lớp; (ii) Tiểu học: tỷ lệ trung bình phòng học/lớp 1,03; tỷ lệ kiên cố hóa 87,01%; sĩ số trung bình là 31,8 học sinh/lớp; (iii) Trung học cơ sở: tỷ lệ trung bình phòng học/lớp 0,89; tỷ lệ kiên cố hóa 95,24%; sĩ số trung bình là 39,8 học sinh/lớp; (iv) Trung học phổ thông: Tỷ lệ trung bình phòng học/lớp 0,92; tỷ lệ kiên cố hóa 97,97%; sĩ số trung bình là 41,7 học sinh/lớp. Các công trình như nhà thư viện, phòng học bộ môn, nhà làm việc, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ăn, nhà ở bán trú, công trình nhà vệ sinh, nước sạch, trang TBDH.... cũng đã được quan tâm đầu tư.

Nhiều địa phương đã đẩy mạnh kiên cố hóa trường lớp, bổ sung phòng học kiên cố và bán kiên cố, giảm phòng học tạm, mượn⁹⁰. Bộ GDĐT đang xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, nhằm tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục mầm non, phổ thông để thực hiện phổ cập, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và đầu phát triển giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, dự kiến trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư vào kỳ họp tháng 10/2025

Về sử dụng ngân sách nhà nước và huy động nguồn lực, tỷ lệ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo trong giai đoạn 2021 - 2024 được Quốc hội phê chuẩn đạt từ 13,81% đến 15,45%, giảm so với giai đoạn 2016 - 2020 đạt từ 17,4% đến 18,5%. Bộ GDĐT đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 125/2024/NĐ-CP về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đơn giản hóa quy định và cải thiện môi trường đầu tư, góp phần thu hút đầu tư vào giáo dục. Năm 2024, có 566 dự án xã hội hóa giáo dục (trong đó có 72 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, 85 dự án liên doanh liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập) với tổng số vốn đầu tư cho công tác xã hội hóa đạt hơn 6 nghìn tỷ đồng (trong đó đầu tư cho cơ sở giáo dục ngoài công lập là 5,6 nghìn tỷ đồng và kinh phí đầu tư từ liên doanh liên kết là 367,5 tỷ đồng), tổng diện tích đất bố trí cho các dự án là 31.565m². Công tác quản lý các khoản thu trong hoạt động giáo dục đã có nhiều chuyển biến tích cực, hầu hết các cơ sở giáo dục đã chủ động phổ biến và

⁸⁹ Nguồn số liệu từ Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo

⁹⁰ Điện hình, tỉnh Quảng Ninh đã phê duyệt Đề án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất ngành Giáo dục giai đoạn 2022-2025 với tổng vốn ngân sách tỉnh bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 hơn 3.291 tỷ đồng, giúp tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 95,8% (tăng 3,7% so với năm 2024).

thực hiện các quy định về quản lý thu chi, công khai các khoản thu thông qua bảng thông báo, trang thông tin điện tử, hoặc thông báo trực tiếp đến phụ huynh qua ứng dụng công nghệ thông tin. Việc triển khai nền tảng thanh toán điện tử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đã tạo điều kiện để phụ huynh đóng học phí một cách nhanh chóng, an toàn, góp phần công khai, minh bạch.

b) Tồn tại, hạn chế

Vẫn còn tình trạng thiếu phòng học cục bộ tại các khu vực có mật độ dân cư cao, các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Theo báo cáo của địa phương, cấp học mầm non còn thiếu khoảng 27.953 phòng học, cấp tiểu học còn thiếu khoảng 7.491 phòng học để đạt tỷ lệ 1 lớp/phòng, đáp ứng yêu cầu học 02 buổi/ngày (chưa tính đến số lớp, phòng học để bảo đảm số học sinh/lớp theo quy định). Ở khu vực điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn vẫn còn tồn tại 6.477 phòng học nhờ, mượn, tập trung chủ yếu tại cấp học mầm non và tiểu học.

Tỷ lệ thiết bị dạy học tối thiểu cấp học mầm non, phổ thông đáp ứng nhu cầu dạy học còn thấp. Trung bình cả nước, tỷ lệ thiết bị dạy học tối thiểu chỉ đáp ứng 50,63%, trong đó, mầm non đạt 51,1%; tiểu học đạt 48,33%; trung học cơ sở đạt 46,32%, trung học phổ thông đạt 38,73%.

Ngân sách chi thường xuyên lĩnh vực giáo dục chủ yếu là chi cho con người. Qua số liệu báo cáo kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, nhiều tỉnh chưa đạt tỷ lệ tối thiểu 18% chi cho chuyên môn trong tổng chi thường xuyên theo quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg (trước năm 2022) và tối thiểu 19% theo quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg. Chi cho các hoạt động giảng dạy và học tập chiếm tỷ lệ còn thấp. Việc thu hút các nguồn lực của xã hội đầu tư vào các cơ sở giáo dục gặp nhiều khó khăn, chưa huy động được sự tham gia rộng rãi của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước đóng góp cho giáo dục.

Việc thực hiện tự chủ tài gặp nhiều khó khăn, nguồn thu sự nghiệp còn thấp, chủ yếu vẫn là ngân sách nhà nước cấp phát; chưa thực sự đồng bộ về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tự chủ về tài chính; chính sách vay tín dụng ưu đãi để phát triển trường, lớp còn nhiều bất cập về thủ tục hành chính, nhà đầu tư thiếu cơ hội tiếp cận các nguồn tín dụng cho vay với lãi suất thấp.

8. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong giáo dục, đào tạo

a) Kết quả đạt được

Bộ GDĐT đã tập trung hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm thúc đẩy chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ trong giáo dục. Bộ đã ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với các Sở GDĐT và Phòng GDĐT⁹¹; triển khai Bộ chỉ số cho cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên và cho giáo dục mầm non trên toàn quốc. Đồng thời, triển khai Nghị quyết số 175/NQ-CP về xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia, hướng tới hình thành hạ tầng dữ liệu tập trung, kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

⁹¹ Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024.

Năm học 2024 - 2025, ngành Giáo dục triển khai nhiều dự án, đề án về chuyển đổi số, đặc biệt là Kế hoạch số 4268/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2024 nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ và lộ trình chuyển đổi số cho toàn ngành, thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025”. Bộ GDĐT cũng đã phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ GDĐT⁹²; triển khai hiệu quả Đề án đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp Bộ được nâng cấp, hợp nhất và tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đồng thời, Bộ GDĐT đã ban hành tiêu chí, quy trình xây dựng học liệu điện tử các cấp học làm cơ sở xây dựng hệ thống bài giảng trực tuyến dùng chung. Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và Bộ phận một cửa, một cửa liên thông; triển khai Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, Bộ GDĐT đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án để thực hiện mục tiêu bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết và 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục. Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục đã cơ bản hoàn thành, bao gồm cơ sở dữ liệu về giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên và giáo dục đại học (HEMIS), với gần 24,55 triệu hồ sơ điện tử được số hóa và kết nối với cơ sở dữ liệu Quốc gia về Dân cư. Cả nước cơ bản đã triển khai đồng bộ các phần mềm quản lý trường học, kết nối liên thông giữa sở - xã - nhà trường. Hệ thống tuyển sinh trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đã được hoàn thiện ở mức độ “toàn trình”, cho phép thí sinh đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học, cao đẳng hoàn toàn trực tuyến, đảm bảo minh bạch và thuận tiện. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn (Big Data) bước đầu được tích hợp vào các phần mềm hỗ trợ giáo viên tạo đề thi, chấm bài và trong quản lý dữ liệu⁹³.

Nhiều địa phương đã tổ chức tập huấn ứng dụng AI trong dạy học cho giáo viên. 100% các tỉnh, thành phố đã triển khai phần mềm quản trị trường học (như vnEdu, SMAS,...) đến từng cơ sở giáo dục, với các phân hệ quản lý người học, giáo viên, cơ sở vật chất, tài chính, và kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành. Nhiều địa phương đã bắt đầu số hóa hồ sơ học tập, tiến tới liên thông dữ liệu học bạ điện tử. Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ đang được triển khai, hướng tới cấp phát văn bằng, chứng chỉ số. Thủ tục công nhận văn bằng nước ngoài cũng đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình từ cuối năm 2024. Nền tảng thanh toán điện tử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đã tạo điều kiện để phụ huynh đóng học phí và các khoản thu khác một cách nhanh chóng, an toàn, góp phần công khai, minh bạch.

b) Tồn tại, hạn chế

Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện nên chưa

⁹² Quyết định số 1753/QĐ-BGDĐT ngày 27/6/2025.

⁹³ Như phát hiện trùng CMND/CCCD của học sinh trong phần mềm vnEdu tại Bà Rịa - Vũng Tàu.

đầy đủ và đồng bộ; một số địa phương, cơ sở giáo dục chưa cập nhật kịp thời hoặc còn thiếu nhiều trường thông tin. Vẫn còn hiện tượng phân tán dữ liệu do nhiều cơ sở giáo dục lưu trữ dữ liệu trên các phần mềm riêng lẻ hoặc các thiết bị cục bộ, chưa kết nối vào hệ thống chung. Việc liên thông dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia (dân cư, bảo hiểm...) còn chậm, mới ở quy mô thử nghiệm, chưa triển khai rộng rãi nên hiệu quả chưa cao.

9. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

a) Kết quả đạt được

Năm học 2024 - 2025, Bộ GDĐT đã chủ trì và ký kết 19 điều ước, thỏa thuận quốc tế hợp tác về giáo dục và phát triển nguồn nhân lực với 14 quốc gia thuộc 5 châu lục (Châu Âu, Châu Á, Mỹ, Châu Đại Dương, Châu Phi), trong đó này có 07 văn bản cấp Chính phủ và 12 văn bản cấp Bộ⁹⁴. Bộ GDĐT cũng đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, thu hút nguồn lực xã hội.

Ngành Giáo dục tiếp tục đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước thông qua "Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030" (Đề án 89) và các chương trình học bổng Hiệp định với 11 nước. Trong năm học 2024 - 2025, Bộ GDĐT đã cử 597 người đi học theo các chương trình học bổng Hiệp định (bao gồm 105 tiến sĩ, 177 thạc sĩ, 274 đại học, 41 thực tập), chủ yếu tại Liên bang Nga, Hung-ga-ri, Trung Quốc, Ba Lan, Lào, Cam-pu-chia. Các ngành học ưu tiên bao gồm khoa học, công nghệ, kinh tế, quản lý, Y - Dược và nghệ thuật. Việt Nam cũng tiếp nhận 597 lưu học sinh nước ngoài vào học tập diện Hiệp định (bao gồm 407 dự bị tiếng Việt, 45 đại học, 68 thạc sĩ, 11 tiến sĩ, 66 ngắn hạn), chủ yếu từ Lào, Cam-pu-chia, Liên bang Nga và Trung Quốc. Tổng số lưu học sinh nước ngoài đang học tập tại Việt Nam hiện khoảng 22.000 người.

Ngoài ra, Bộ GDĐT đã tổ chức nhiều hoạt động xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, như: Diễn đàn Nhà trường - Doanh nghiệp FDI, Hội nghị Hợp tác và đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và Hội nghị Giáo dục đại học Việt Nam - Ô-xtrây-li-a tại Ô-xtrây-li-a. Việc phát triển các khu giáo dục quốc tế, xúc tiến đầu tư vào giáo dục và tổ chức các diễn đàn kết nối nhà trường với doanh nghiệp FDI đã được thực hiện, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bộ GDĐT cũng đã tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư cho cán bộ làm công tác hợp tác quốc tế của các cơ sở giáo dục đại học⁹⁵.

b) Tồn tại, hạn chế

⁹⁴ Tiêu biểu là Thỏa thuận hợp tác với Nhật Bản về đào tạo nguồn nhân lực bán dẫn (ký ngày 28/4/2025) và Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về thành lập và hoạt động của Trung tâm dữ liệu chung Việt - Nga (ký ngày 28/4/2025).

⁹⁵ Hơn 500 cán bộ, chuyên viên phụ trách hợp tác quốc tế đã được tập huấn nâng cao năng lực xúc tiến đầu tư qua 02 khóa học trong năm 2024.

Chưa có cơ chế tạo điều kiện, thu hút người lao động có trình độ chuyên môn cao vào giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam. Các cơ sở giáo dục vẫn phải làm đầy đủ các thủ tục, quy trình giống như tất cả người lao động nước ngoài nói chung.

Khó khăn trong việc thu hồi chi phí đào tạo đối với du học sinh học bổng ngân sách nhà nước thuộc diện bồi hoàn, bao gồm đối tượng được cử đi học là công chức, viên chức. Việc thu hồi kinh phí đào tạo gặp nhiều khó khăn do có du học sinh có hoàn cảnh khó khăn, không thể hoàn trả kinh phí hoặc xin hoàn trả kinh phí thành nhiều đợt, có du học sinh không thực hiện bồi hoàn chi phí đào tạo.

Số lượng lưu học sinh nước ngoài đến học tập tại Việt Nam còn hạn chế, tập trung chủ yếu là lưu học sinh Lào, Căm-pu-chia; một số cơ chế, chính sách chưa thực sự tạo điều kiện để thu hút lưu học sinh nước ngoài (như bảo hiểm y tế, visa); các cơ sở giáo dục đại học chưa chú trọng đến thu hút và đào tạo lưu học sinh nước ngoài.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục và thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua trong toàn ngành

10.1. Công tác truyền thông

a) Kết quả đạt được

Công tác truyền thông giáo dục trong năm học 2024 - 2025 đã được tăng cường, góp phần thông tin kịp thời, lan tỏa các chính sách, hoạt động của ngành, từ đó tạo sự đồng thuận trong xã hội khi triển khai các chủ trương, chính sách mới. Trong đó, các nội dung trọng tâm được đẩy mạnh truyền thông gồm:

- Chính sách và văn bản pháp quy mới: Truyền thông về Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT quy định về quản lý dạy thêm, học thêm; quá trình hoàn thiện dự thảo Luật Nhà giáo; dự thảo Nghị định về phụ cấp ưu đãi theo nghề; dự thảo Nghị định về hướng nghiệp, phân luồng. Đặc biệt, thông tin về quyết định của Bộ Chính trị về miễn học phí cho học sinh công lập từ mầm non đến THPT cũng được truyền tải rộng rãi.

- Chiến lược và quy hoạch phát triển ngành: Triển khai truyền thông về việc ban hành Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; ban hành và công bố Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm, Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050,...

- Xây dựng xã hội học tập và chuyển đổi số: Năm học 2024 - 2025 ghi dấu ấn quan trọng trong công tác truyền thông về giáo dục thường xuyên, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập, với sự chuyển mình mạnh mẽ của kỷ nguyên số. Nhiều chiến dịch truyền thông được thực hiện đồng bộ, đặc biệt trong Tuần lễ học tập suốt đời, Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam năm 2025, đã khơi dậy niềm tin yêu với học tập và cổ vũ người dân tiếp cận tri thức mới. Các nền tảng số như mạng xã hội, cổng thông tin điện tử, phát thanh - truyền hình được khai thác hiệu quả để chuyển tải thông điệp "Học tập để thích ứng - Hội nhập - Phát triển". Phong trào "Bình dân học vụ số" cũng được triển khai.

- Nhiều nhiệm vụ lớn của ngành như tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2025; công tác triển khai đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông... đã được chú trọng truyền thông để tạo sự đồng thuận của xã hội trong quá trình thực hiện.

Công tác tuyên truyền, phổ biến về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cũng được chú trọng, cùng với việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin để tiết kiệm thời gian, chi phí.

b) Tồn tại, hạn chế

Nhiều nội dung đổi mới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo mang tính chuyên ngành, liên quan đến chuyên môn sâu như chương trình, sách giáo khoa, kiểm tra đánh giá, phân luồng... nên khó tiếp cận đối với phần lớn phụ huynh và cộng đồng nếu không có phương thức truyền thông phù hợp. Công tác truyền thông, xử lý các vấn đề bức xúc của xã hội, nhất là của phụ huynh học sinh ở một số cơ sở giáo dục, đào tạo còn chưa được kịp thời để xã hội, nhân dân hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đóng góp nhiều hơn cho các hoạt động giáo dục, đào tạo tại đơn vị.

Các cơ quan báo chí, truyền thông ở địa phương chưa thực sự coi giáo dục là một lĩnh vực cần ưu tiên truyền thông thường xuyên, liên tục, dẫn đến khoảng trống thông tin và dễ phát sinh dư luận thiếu tích cực khi có vấn đề phát sinh.

10.2. Thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua trong toàn ngành

a) Kết quả đạt được

Các phong trào thi đua trong toàn ngành giáo dục đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” đã khơi dậy mạnh mẽ tinh thần đổi mới, sáng tạo của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong công tác giảng dạy, giáo dục, quản lý và nghiên cứu khoa học; đồng thời, phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Nhiều cơ sở giáo dục đã có những cách làm hay, sáng tạo trong việc tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, thực hiện chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học các môn học và các chủ đề dạy học tích hợp, liên môn. Các hoạt động đổi mới dạy học, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đã được triển khai đồng bộ và thực chất.

Hoạt động của các cụm, khối thi đua của các sở giáo dục và đào tạo đã đi vào nề nếp, tạo điều kiện trao đổi, phổ biến, học tập các mô hình, điển hình tiên tiến. Các tiêu chí thi đua được xây dựng ngắn gọn, giảm bớt nội dung báo cáo, tạo thuận lợi cho các sở giáo dục và đào tạo trong quá trình triển khai thực hiện. Kế hoạch triển khai phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện, tăng cường quản lý tài chính, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030” đã được phổ biến rộng rãi qua các phương tiện truyền thông, báo chí. Bộ GDĐT đã tổ chức tuyên dương 252 nhà giáo tiêu biểu được tặng Bằng khen Bộ trưởng GDĐT dịp 20/11/2024 và tổ chức Lễ tuyên dương học sinh giỏi Olympic, cuộc thi khoa học

kỹ thuật quốc tế.

b) Tồn tại, hạn chế

Phong trào thi đua ở một số đơn vị chưa thực sự trở thành động lực thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ. Việc xây dựng điển hình tiên tiến mặc dù đã được quan tâm nhưng còn hạn chế, chưa phát hiện được nhiều gương điển hình tiên tiến tiêu biểu xuất sắc; chưa phát động được phong trào học tập, làm việc theo các gương điển hình tiên tiến.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm học 2024 - 2025, với tinh thần nỗ lực cố gắng, khắc phục mọi khó khăn, toàn ngành Giáo dục đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, hoàn thành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

1. Kết quả nổi bật

Đột phá trong xây dựng thể chế, tạo hành lang pháp lý để thực hiện đổi mới và phát triển giáo dục, đào tạo. Bộ GDĐT đã tham mưu trình Quốc hội thông qua Luật Nhà giáo, Nghị quyết về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, Nghị quyết về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các nghị định, nghị quyết, đề án, kế hoạch về phát triển giáo dục và đào tạo; các Sở GDĐT đã tham mưu tỉnh ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành các chính sách phát triển GDĐT tại địa phương để kịp thời triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Bộ GDĐT trong lĩnh vực giáo dục. Đồng thời, Bộ GDĐT đang tích cực hoàn thiện 03 dự án Luật để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025). Trong đó, Luật Nhà giáo được ban hành là dấu mốc quan trọng khẳng định chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong việc tôn vinh, chăm lo, bảo vệ và phát triển đội ngũ nhà giáo - lực lượng then chốt của sự nghiệp giáo dục; 02 Nghị quyết của Quốc hội thể hiện sự quan tâm rất lớn của Đảng và Nhà nước đối với giáo dục trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn; có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo quyền học tập của mọi người dân, giúp thu hẹp khoảng cách tiếp cận giáo dục giữa các vùng miền, đảm bảo công bằng trong giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực của đất nước.

Tích cực, chủ động triển khai hiệu quả công tác sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp. Bộ GDĐT đã thực hiện tốt công tác tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ về giáo dục nghề nghiệp từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Bộ GDĐT quản lý; tiến hành sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của cơ quan Bộ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, giảm từ 23 đơn vị xuống còn 18 đơn vị; kịp thời tham mưu Chính phủ ban hành các văn bản quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp và quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ GDĐT. Ở các địa phương, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã tích cực tiếp nhận, tổ chức triển khai các nhiệm vụ được phân quyền, nâng cao tính linh hoạt và hiệu quả trong quản lý giáo dục theo đặc thù

từng địa phương, bảo đảm các hoạt động giáo dục và đào tạo diễn ra thông suốt, đồng bộ giữa các cấp chính quyền và cơ quan, đơn vị chuyên môn trong toàn hệ thống.

Chất lượng giáo dục và đào tạo các cấp học mầm non, phổ thông tiếp tục được nâng cao. Công tác phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ tiếp tục được các địa phương quan tâm. Đến tháng 6/2025, nhiều tỉnh, thành phố đã được công nhận đạt phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ ở mức cao hơn. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được triển khai đồng bộ đồng bộ với đầy đủ các môn học, hoạt động giáo dục từ lớp 1 đến lớp 12 trên phạm vi cả nước, hoàn thành chu trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa. Bộ GDĐT đã tổ chức nghiên cứu, xây dựng Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045” trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành. Các cơ sở giáo dục phổ thông đã phát huy tính tự chủ, chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường. Ngoài ra, để tăng cường công tác quản lý hoạt động dạy thêm, Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 quy định về dạy thêm, học thêm và chỉ đạo, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện ở các địa phương.

Tổ chức thành công Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 (Kỳ thi đầu tiên theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018) bảo đảm an toàn, nghiêm túc, khách quan. Trong các ngày đăng ký dự thi, hệ thống quản lý thi hoạt động ổn định; việc đăng ký dự thi của thí sinh diễn ra bình thường, cơ bản thuận lợi, bảo đảm cơ sở dữ liệu thi chính xác, góp phần quan trọng để tổ chức Kỳ thi khách quan, công bằng. Công tác đề thi được thực hiện nghiêm túc, an toàn, bảo mật từ Trung ương đến địa phương. Đề thi năm nay có nhiều điểm mới, lần đầu tiên được xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông mới, bảo đảm mức độ phân hóa phù hợp để xét công nhận tốt nghiệp và làm cơ sở tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp; bám sát định dạng đã công bố sớm.

Chất lượng giáo dục mũi nhọn tiếp tục được khẳng định, các đoàn học sinh Việt Nam tham dự các cuộc thi khoa học, kỹ thuật học sinh trung học năm học 2024 - 2025 cấp quốc gia, quốc tế và các Kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực tiếp tục đạt kết quả cao. Tính đến nay, Đoàn tham dự Hội thi Khoa học kỹ thuật quốc tế đã giành được 02 giải Nhì; 01 giải Ba; 03 giải Tư và 05 giải Đặc biệt của các nhà tài trợ (đây là thành tích cao nhất của học sinh Việt Nam kể từ năm 2013 đến nay); 100% học sinh tham dự Olympic Vật lý Châu Á, Olympic Tin học Châu Á, Olympic Toán quốc tế, Olympic Hóa học Quốc tế đều đạt thành tích cao với 13 Huy chương Vàng, 16 Huy chương Bạc, 08 Huy chương Đồng; trong đó, Olympic Toán quốc tế của Việt Nam đứng thứ 9 (trong tổng số 113 quốc gia, vùng lãnh thổ tham dự kỳ thi); đội tuyển thi Olympic Vật lý Quốc tế 2025 nằm trong top 10 quốc gia có kết quả cao nhất (trong tổng số 94 quốc gia và vùng lãnh thổ tham dự kỳ thi).

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo. Ngành Giáo dục đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều đề án quan trọng nhằm phát triển nhân lực cho các ngành công nghệ cao như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ 4.0. Quy mô tuyển sinh các ngành STEM đã tăng đáng kể. Nhiều cơ sở giáo

dục đại học Việt Nam đạt thứ hạng cao trên các bảng xếp hạng uy tín quốc tế với với 06 cơ sở đào tạo nằm trong danh sách QS World ranking và 09 cơ sở trong THE World University Rankings 2025. Việc gắn kết giữa cơ sở giáo dục, đào tạo với doanh nghiệp và thị trường lao động được đẩy mạnh thông qua nhiều hình thức hợp tác và hỗ trợ khởi nghiệp.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tiếp tục phát triển về số lượng và nâng cao về chất lượng. Bộ GDĐT đã phối hợp với Bộ Nội vụ rà soát, báo cáo đề xuất Trung ương bổ sung biên chế giáo viên năm học 2024 - 2025; các địa phương đã tích tuyển dụng biên chế được giao, theo đó đội ngũ giáo viên đã tiếp tục khắc phục tình trạng thiếu số lượng và bất cập về cơ cấu. Công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ nhà giáo tiếp tục được quan tâm; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019 cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tăng hơn so với năm học trước. Bộ GDĐT cũng đã tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy định về chức danh nghề nghiệp, chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tư vấn học sinh và quy định chế độ làm việc cho giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và trong hoạt động dạy và học tiếp tục được đẩy mạnh. Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành đã cơ bản hoàn thiện với 24,55 triệu hồ sơ kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia. Hệ thống tuyển sinh trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đã được hoàn thiện ở mức độ “toàn trình”, cho phép thí sinh đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học, cao đẳng hoàn toàn trực tuyến, đảm bảo minh bạch và thuận tiện. Nhiều địa phương đã tổ chức tập huấn ứng dụng AI trong dạy học cho giáo viên; triển khai phần mềm quản trị trường học; triển khai số hóa hồ sơ học tập, tiến tới liên thông dữ liệu học bạ điện tử. Ngoài ra, Bộ GDĐT đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án để thực hiện mục tiêu bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết và 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, việc triển khai thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, như:

Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 vẫn còn một số khó khăn, bất cập; một số cơ sở giáo dục vẫn còn lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; chưa thực sự chủ động được trong tổ chức dạy học các môn tích hợp, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp và nội dung giáo dục địa phương; việc kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh tại một số nơi vẫn còn hình thức, chưa sát thực tế.

Quy mô giáo dục nghề nghiệp còn nhỏ; cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo chưa phù hợp; chất lượng, hiệu quả đào tạo chưa cao, nhất là đào tạo nguồn nhân lực tay nghề cao, ngành nghề mới, kỹ năng tiên tiến; hình thức, phương thức đào tạo chậm đổi mới, chưa linh hoạt, đa dạng để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; công tác đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động chưa được chú trọng.

Quy mô đào tạo trình độ đại học tăng nhưng tập trung ở các ngành, lĩnh vực có khả năng xã hội hóa cao như khối ngành kinh tế, tài chính hoặc khối ngành có nhu cầu nguồn nhân lực lớn, trong khi các nhóm ngành khoa học cơ bản, khoa học xã hội không có sức hút đối với người học; đa số cơ sở giáo dục đại học chỉ tập trung chủ yếu vào hoạt động đào tạo, đặc biệt là đào tạo đại học, chưa quan tâm đầu tư thỏa đáng cho đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học; đào tạo nhân lực trình độ cao, chất lượng cao chưa thực sự đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường lao động, nhất là ở một số ngành khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

Công bằng trong tiếp cận giáo dục và chất lượng giáo dục giữa các vùng miền chưa được bảo đảm vững chắc. Một số địa phương chưa nhận thức đầy đủ vai trò của công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; việc duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập còn nhiều khó khăn. Chênh lệch điều kiện học tập giữa các nhóm đối tượng và các vùng miền còn lớn. Trẻ em dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, người học ở vùng sâu, vùng xa gặp nhiều rào cản trong tiếp cận giáo dục do hạn chế về ngôn ngữ, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và điều kiện học tập.

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho trẻ em, học sinh, sinh viên; công tác hỗ trợ, tư vấn tâm lý, kỹ năng phòng, chống bạo lực, bắt nạt, xâm hại trẻ em, học sinh còn chưa thực sự hiệu quả. Tình trạng bạo lực học đường, mất an toàn vệ sinh thực phẩm trong trường học vẫn còn xảy ra ở một số cơ sở giáo dục, gây bức xúc trong dư luận.

Công tác quản trị nhà trường và quản lý giáo dục chưa theo kịp yêu cầu đổi mới; việc thực hiện quyền tự chủ và đổi mới quản trị nhà trường ở nhiều nơi còn mang tính hình thức. Một số cơ sở giáo dục còn thụ động, chưa phát huy tinh thần tự chủ, thiếu đổi mới trong tổ chức dạy học và quản trị nội bộ. Việc chuyển đổi số trong giáo dục còn hạn chế; dữ liệu chưa được cập nhật và khai thác hiệu quả.

Tình trạng thiếu giáo viên còn diễn ra phổ biến tại nhiều địa phương, đặc biệt là giáo viên mầm non, giáo viên dạy các môn mới, môn tích hợp ở trung học cơ sở và giáo viên tiếng Anh ở vùng khó khăn. Việc tuyển dụng của các địa phương còn chậm, chưa tuyển dụng hết số biên chế được giao, ảnh hưởng đến việc bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt là yêu cầu bố trí đủ giáo viên các môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Chất lượng đội ngũ chưa đồng đều giữa các vùng, miền, còn khoảng cách lớn giữa vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và vùng thuận lợi; năng lực ngoại ngữ, tin học của một bộ phận giáo viên còn hạn chế; nhiều giáo viên chưa thực sự coi trọng việc tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Việc rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông còn bất cập; còn tình trạng thiếu trường, lớp ở một số địa phương; nhiều cơ sở giáo dục, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, còn thiếu phòng học kiên cố, phòng bộ môn, thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ các môn học tích hợp và hoạt động trải nghiệm. Triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm còn chậm; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học còn lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và xã hội hóa còn hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, giải pháp năm học 2024 – 2025, ngành Giáo dục rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

1. Sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị là yếu tố then chốt để phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Việc triển khai hiệu quả các nhiệm vụ năm học, nhất là những nhiệm vụ lớn như phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018, tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT... là kết quả của sự chỉ đạo sâu sát từ Trung ương đến địa phương, huy động được sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp ủy đảng, chính quyền, ngành giáo dục và các lực lượng xã hội.

2. Việc ban hành cơ chế, chính sách tạo khung khổ pháp lý là nền tảng quan trọng cho công tác quản lý, phát triển giáo dục và đào tạo; tuy nhiên để các chính sách được thực thi có hiệu quả cần đi đôi với cơ chế giám sát, kiểm tra và tập huấn, hướng dẫn triển khai, hỗ trợ kịp thời cho các địa phương, các cơ sở giáo dục, đào tạo.

3. Chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý là điều kiện tiên quyết để thực hiện các chính sách đổi mới. Luật Nhà giáo lần đầu được ban hành là dấu mốc quan trọng, tuy nhiên để chính sách đi vào thực tiễn, cần sớm ban hành các văn bản hướng dẫn, đi kèm cơ chế đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, hiệu quả. Việc chuẩn hóa và phát triển đội ngũ cần gắn với yêu cầu của chương trình giáo dục, đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ và nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp.

4. Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin là động lực nâng cao hiệu quả quản lý và dạy học. Việc tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý nhà trường, kiểm tra đánh giá, bồi dưỡng đội ngũ và tổ chức dạy học đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả, cần tiếp tục đầu tư hạ tầng đồng bộ và nâng cao năng lực số cho cán bộ, giáo viên.

5. Lắng nghe ý kiến từ cơ sở và phản hồi từ các đối tượng tác động là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện chính sách cho phù hợp thực tiễn. Một số khó khăn trong việc chậm ban hành văn bản, triển khai chính sách chưa hiệu quả bắt nguồn từ việc tham vấn chưa sâu, chưa thực chất. Cần tăng cường cơ chế phản hồi từ nhà trường, giáo viên, học sinh, phụ huynh và các bên liên quan khi xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2025 - 2026

Năm học 2025 - 2026 là năm học đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030. Đây cũng là năm học cả nước triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Luật Nhà giáo; Nghị quyết của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị quyết của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ em từ 3 đến 5 tuổi. Nhằm thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo, thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra, ngành Giáo dục xác định chủ đề năm học 2025 - 2026 là: ***“Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển”*** với các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

1. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục; đổi mới quản trị nhà trường

Đổi mới, tạo đột phá trong công tác xây dựng pháp luật về giáo dục và đào tạo; thể chế hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và các văn bản khác của Đảng về giáo dục và đào tạo. Tập trung nguồn lực để triển khai thi hành Luật Nhà giáo; hoàn thành dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học (sửa đổi), Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) và các quy định về quản lý giáo dục theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Đẩy mạnh rà soát, đánh giá, hoàn thiện hệ thống pháp luật; kịp thời phát hiện, xử lý các quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn và yêu cầu đổi mới giáo dục.

Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thể chế hoá các chủ trương của Đảng và việc thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Phát huy vai trò giám sát, kiểm tra nội bộ ngay trong mỗi cơ quan, đơn vị, góp phần phòng ngừa vi phạm, chấn chỉnh kịp thời những sai sót, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

Sắp xếp, tổ chức lại và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đổi mới công tác quản trị nhà trường theo hướng tăng quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị trường học.

Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình và hỗ trợ kịp thời chính quyền địa phương cấp xã thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

2. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

Triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; tiếp tục phát triển Chương trình giáo dục mầm non, đổi mới phương pháp, hình thức nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Chú trọng công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non, nhất là cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập. Chuẩn bị điều kiện triển khai thí điểm Chương trình giáo dục mầm non mới.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm tính khoa học, sư phạm; khai thác tối đa hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học giúp học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của Chương trình; thực hiện hiệu quả hướng dẫn dạy học 2 buổi/ngày đối với các cơ sở giáo dục phổ thông có đủ điều kiện theo quy định. Nâng cao hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM/STEAM, giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông; nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh; chuẩn bị tốt các điều kiện bảo đảm để từng bước đưa Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, phát triển các mô hình, phương thức, phong trào học tập suốt đời theo hướng đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế giáo dục, nâng cao năng lực và hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng, nhất là ở vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 bảo đảm an toàn, nghiêm túc, khách quan. Phân tích, đánh giá và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu kết quả Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông để phục vụ công tác quản lý chuyên môn, ban hành chính sách dạy và học cấp trung học phổ thông ở các địa phương, cơ sở giáo dục.

Tổ chức tốt Cuộc thi nghiên cứu Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông; Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2025 - 2026; tổ chức các đoàn học sinh tham dự các Kỳ thi Olympic khu vực và Quốc tế năm 2026; hội thi thiết bị tự làm toàn quốc và thi kỹ năng nghề quốc gia, khu vực và thế giới.

Tăng cường kiểm định chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; kiểm tra, đánh giá chất lượng các trung tâm ngoại ngữ, tin học.

3. Bảo đảm công bằng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người học

Triển khai khẩn trương, hiệu quả chủ trương đầu tư xây dựng các trường phổ

thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại 248 xã biên giới đất liền; tiếp tục thực hiện Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo; triển khai thực hiện chủ trương hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền từ năm học 2025 - 2026.

Tập trung triển khai hiệu quả chương trình xóa mù chữ tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, nơi có tỷ lệ người mù chữ cao. Đẩy mạnh triển khai thực hiện chương trình xóa mù chữ; củng cố, duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, từng bước phấn đấu đạt chuẩn mức độ cao hơn để nâng cao chất lượng giáo dục và hoàn thành giáo dục bắt buộc.

Triển khai hiệu quả công tác dạy tiếng Việt cho trẻ em trước khi vào lớp Một đối với con, em người dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng dân tộc thiểu số trong Chương trình giáo dục phổ thông. Phát triển các phương thức giáo dục hòa nhập, chuyên biệt và bán chuyên biệt để đáp ứng quyền được học tập của người học là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người khuyết tật.

4. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

Tiếp tục hoàn thiện chế độ chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nhằm khắc phục những tồn tại, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện, bảo đảm đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đồng bộ về chất lượng. Tập trung triển khai thực hiện Luật Nhà giáo và các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật có liên quan, đồng thời chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện đồng bộ các chính sách khi Luật Nhà giáo có hiệu lực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục, phục vụ hoạt động điều hành thống nhất, đồng bộ của chính quyền địa phương hai cấp.

Triển khai thực hiện tuyển dụng, sử dụng biên chế giáo viên được giao tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị; rà soát số giáo viên hiện có, đề xuất bổ sung biên chế giáo viên giai đoạn 2026 - 2030 để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nhất là triển khai thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông và thực hiện phổ cập mẫu giáo cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Tăng cường thực hiện phương án điều chuyển, biệt phái giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu; giáo viên dạy học liên trường tại các địa phương; nghiên cứu xây dựng cơ chế phối hợp, huy động, hợp đồng các nghệ nhân, nghệ sĩ, vận động viên chuyên nghiệp, tình nguyện viên người nước ngoài tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đặc biệt trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, kỹ năng sống... cho học sinh phổ thông; huy động đội ngũ có trình độ, kỹ năng nghề cao tham gia giảng dạy các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

Tiếp tục triển khai lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chú trọng triển khai bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp

nhà giáo các cấp học mầm non, phổ thông, đặc biệt là năng lực ứng dụng công nghệ số (trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn...), năng lực ngoại ngữ.

5. Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, huy động các nguồn lực đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo

Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, nhất là nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Tham mưu các cấp có thẩm quyền bổ sung ngân sách chi thường xuyên cho các cơ sở giáo dục để bảo đảm chi cho hoạt động giảng dạy và học tập đạt tỷ lệ tối thiểu 19% trong tổng chi thường xuyên (chưa kể chi từ nguồn thu học phí) theo quy định; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước chỉ cho giáo dục theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành nhằm đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục, tiếp tục ưu tiên ngân sách địa phương cho giáo dục và đào tạo.

Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, phát triển mạng lưới trường, lớp và bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; tiếp tục kiên cố hóa trường lớp học, xóa phòng học tạm; phát triển trường, lớp học ở các khu vực có dân số tăng nhanh, khu vực đông dân cư; xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia; đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất và tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.

Thực hiện nghiêm quy định về các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025 - 2026, tăng cường quản lý nhà nước theo phân cấp đối với các khoản thu theo quy định.

6. Đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất, y tế trường học

Triển khai hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong trường học; giáo dục học sinh, sinh viên lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục, chú trọng công tác phát triển Đảng trong học sinh, sinh viên.

Tập trung các giải pháp xây dựng văn hóa học đường; chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm; giáo dục pháp luật cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục. Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ trong trường học; công tác Đoàn, Đội về kỹ năng ứng xử trên mạng xã hội; phòng, chống bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh trật tự trường học; kỹ năng xử lý các tình huống có liên quan tới việc phát sinh bạo lực học đường. Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ em, học sinh.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, nâng cao chất lượng dạy và học môn giáo dục quốc phòng, an ninh nhằm bảo đảm mục tiêu giáo

dục cho học sinh, sinh viên phát triển tư duy, có ý thức trách nhiệm và các kiến thức, kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Quán triệt, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác quốc phòng, quân sự; phòng, chống khủng bố; phòng thủ dân sự và tổ chức hoạt động theo đúng quy định.

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao cho học sinh, sinh viên gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất trong nhà trường; phát triển hệ thống giải thể thao học sinh, sinh viên; thúc đẩy phát triển các câu lạc bộ thể thao, góp phần xây dựng môi trường học đường năng động, lành mạnh.

Triển khai hiệu quả các chương trình, đề án về công tác y tế trường học và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh, sinh viên; tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm và nâng cao năng lực đội ngũ y tế trường học; cập nhật dữ liệu sức khỏe triển khai sổ sức khỏe điện tử học sinh liên kết với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

7. Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo

Triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ, thống nhất cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong hoạt động chuyên môn, quản trị nội bộ và hợp tác quốc tế, gắn với thực hiện trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch thông tin theo quy định.

Nâng cao chất lượng giáo dục đại học; đánh giá kết quả tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2025 và chuẩn bị tốt cho công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2026. Tổ chức thực hiện chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn cơ sở giáo dục đại học và các giải pháp bảo đảm chất lượng; triển khai hiệu quả các đề án, dự án liên quan đến đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công nghệ cao, nhất là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về vi mạch bán dẫn Việt Nam.

Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tập trung chỉ đạo tuyển sinh và đào tạo nhân lực chất lượng cao; chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, các ngành, lĩnh vực trọng điểm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động, nhất là ở những địa bàn, khu vực kinh tế trọng điểm, tập trung đông các khu công nghiệp, thúc đẩy đào tạo lao động có trình độ tay nghề cao.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tập trung gia tăng số công bố khoa học trên các tạp chí khoa học uy tín quốc tế và trong nước; chủ động đăng ký, bảo hộ sở hữu trí tuệ, phấn đấu tăng số đơn và số văn bằng bảo hộ sáng chế hằng năm. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; gắn kết kết quả nghiên cứu với nâng cao chất lượng đào tạo; mở rộng hợp tác với doanh nghiệp trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tạo môi trường thuận

lợi để thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu, gia tăng nguồn thu từ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm, giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2022 - 2030; đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục trong nước và quốc tế về cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo; tăng cường quản lý văn bằng chứng chỉ thống nhất và hướng đến hội nhập quốc tế.

8. Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

Thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nước ngoài cho giáo dục và đào tạo và thu hút các cơ sở giáo dục đại học có uy tín đặt phân hiệu tại Việt Nam. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng trong nước hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài về đào tạo, nghiên cứu khoa học, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, chủ động tham gia mạng lưới nghiên cứu và trao đổi toàn cầu; tăng cường công tác quản lý hoạt động của các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài và tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.

Tăng cường phối hợp với các đối tác chiến lược để mở rộng chương trình đào tạo nghề theo chuẩn quốc tế, đặc biệt trong các ngành nghề công nghệ cao, kỹ thuật, du lịch và dịch vụ. Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp FDI, hiệp hội nghề nghiệp để xây dựng các chương trình chuyển giao công nghệ đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, đồng thời thúc đẩy việc công nhận kỹ năng và chứng chỉ nghề giữa Việt Nam và các nước.

Thực hiện đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, nhất là đào tạo giảng viên trình độ tiến sĩ và chuyên gia các ngành kỹ thuật, công nghệ mũi nhọn; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Việt Nam.

Tích cực tham gia các chương trình đánh giá chất lượng giáo dục quốc tế mà Việt Nam đã cam kết đối với giáo dục cấp tiểu học, trung học phổ thông (gồm SEA-PLM, PISA, TALIS) chu kỳ 2024, 2025; khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam tham gia các chương trình đánh giá chất lượng giáo dục và đào tạo, xếp hạng của các tổ chức uy tín trong khu vực và quốc tế.

9. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Khẩn trương hoàn thiện các cơ sở dữ liệu của ngành, bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu trong nội bộ ngành với các cơ sở dữ liệu quốc gia, đặc biệt cơ sở dữ liệu phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Triển khai đồng bộ, hiệu quả học bạ số ở cấp phổ thông và văn bằng số đối với bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức thực hiện Chiến lược ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo; áp dụng Khung năng lực số và nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và người học.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và Bộ phận một cửa, một cửa liên thông; xây dựng phương

án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

10. Thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua và công tác truyền thông trong toàn ngành

Triển khai có hiệu quả Phong trào thi đua "Toàn ngành Giáo dục thi đua đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước" giai đoạn 2025 - 2030 và các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động: Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030; Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Bình dân học vụ số.

Tổ chức tốt công tác xét tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú lần thứ XVII; các hội thi, hội giảng cho nhà giáo; hoạt động của cụm, khối thi đua các Sở Giáo dục và Đào tạo, đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2025 - 2026 và năm 2026.

Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách mới của ngành; việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; các hoạt động và các sự kiện lớn của ngành. Tăng cường phối hợp, xử lý hiệu quả các vấn đề về truyền thông, nhất là các vấn đề xã hội quan tâm, bức xúc đề xã hội, nhân dân hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đóng góp nhiều hơn cho ngành.

PHỤ LỤC

**Danh mục văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo
đã ban hành trong năm học 2024 - 2025**
(Tính từ tháng 8/2024 đến tháng 8/2025)

Tổng số:	83
Luật, Nghị quyết của Quốc hội:	03
Nghị định của Chính phủ:	12
Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ:	11
Thông tư của Bộ trưởng:	36
Quyết định cá biệt của Bộ trưởng:	21

STT	TÊN VĂN BẢN
I	LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI (03 văn bản)
1	Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 ngày 16/6/2025
2	Nghị quyết số 218/2025/QH15 của Quốc hội về phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi
3	Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân
II	NGHỊ ĐỊNH (12 văn bản)
1	Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục
2	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
3	Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GDĐT
4	Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm
5	Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách
6	Nghị định số 96/2025/NĐ-CP ngày 29/04/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/07/2010 quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên
7	Nghị định số 201/2025/NĐ-CP ngày 11/07/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học quốc gia

8	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 quy định về phân định thẩm quyền đối với quản lý nhà nước về giáo dục khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp
9	Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực giáo dục
10	Nghị định số 201/2025/NĐ-CP ngày 11/07/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đại học quốc gia
11	Nghị định số 202/2025/NĐ-CP ngày 11/07/2025 quy định chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục, chương trình giáo dục, việc cấp văn bằng, chứng chỉ thực hiện liên kết giáo dục, giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội
12	Nghị định số 222/2025/NĐ-CP ngày 25/9/2025 quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục
IV	QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ (11 văn bản)
1	Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 về việc phê duyệt chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
2	Quyết định 1716/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 ban hành Đề án nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
3	Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 phê duyệt Đề án Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đến năm 2030
4	Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
5	Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 ban hành Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050
6	Quyết định số 374/QĐ-TTg ngày 19/02/2025 phê duyệt Đề án phát triển hệ thống trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ 4.0 đến năm 2030 ngày 19/02/2025
7	Quyết định số 663/QĐ-TTg ngày 25/3/2025 phê duyệt Đề án Phát triển Đại học Bách khoa Hà Nội thuộc nhóm cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Châu Á
8	Quyết định số 671/QĐ-TTg ngày 26/03/2025 phê duyệt đề án phát triển trung tâm đào tạo chất lượng cao tại thành phố Buôn Ma Thuột và thành phố Đà Lạt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
9	Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 phê duyệt Đề án nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035
10	Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 26/5/2025 phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực phục vụ phát triển điện hạt nhân đến năm 2035”
11	Quyết định 1723/QĐ-TTg ngày 12/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo
V	THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG (36 văn bản)
1	Thông tư số 10/2024/TT-BGDĐT ngày 26/8/2024 quy định nội dung thi "Cơ thi đua của Đại học Quốc gia"

2	Thông tư số 11/2024/TT-BGDĐT ngày 18/9/2024 về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương tư vấn học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập
3	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
4	Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập
5	Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31/10/2024 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo
6	Thông tư số 15/2024/TT-BGDĐT ngày 20/11/2024 về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo
7	Thông tư số 16/2024/TT-BGDĐT ngày 20/11/2024 về giám định tư pháp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo
8	Thông tư số 17/2024/TT-BGDĐT ngày 20/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình xây dựng, chỉnh sửa chương trình giáo dục phổ thông; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 14/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
9	Thông tư số 18/2024/TT-BGDĐT ngày 28/11/2024 ban hành Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ
10	Thông tư số 19/2024/TT-BGDĐT ngày 28/11/2024 quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại chính quyền địa phương
11	Thông tư số 20/2024/TT-BGDĐT ngày 28/11/2024 quy định Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2022/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
12	Thông tư số 21/2024/TT-BGDĐT ngày 28/11/2024 bãi bỏ một số Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng
13	Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo
14	Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

	ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT
15	Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24/12/2024 về quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025
16	Thông tư số 25/2025/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 ban hành Chế độ báo cáo thông kê ngành giáo dục
17	Thông tư số 26/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
18	Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường/lớp dành cho người khuyết tật
19	Thông tư số 28/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 quy định về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục, thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục
20	Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 quy định về dạy thêm học thêm
21	Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông
22	Thông tư số 01/2025/TT-BGDĐT ngày 10/01/2025 ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên
23	Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định khung năng lực số cho người học
24	Thông tư số 03/2025/TT-BGDĐT ngày 07/02/2025 quy định về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo
25	Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học
26	Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 quy định chế độ làm việc với giáo viên phổ thông, dự bị đại học
27	Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT
28	Thông tư số 07/2025/TT-BGDĐT ngày 20/3/2025 Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo đối với các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài
29	Thông tư số 08/2025/TT-BGDĐT ngày 12/5/2025 về việc quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo

30	Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non
31	Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông
32	Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên
33	Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục
34	Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục
35	Thông tư số 14/2025/TT-BGDĐT ngày 18/07/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
36	Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/07/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo
VI	QUYẾT ĐỊNH CÁ BIỆT CỦA BỘ TRƯỞNG (21 văn bản)
1	Quyết định 2114/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2024 ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với công chức, viên chức và người lao động các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Quyết định 2236/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2024 ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024 -2025 của ngành Giáo dục
3	Quyết định 3086/QĐ-BGDĐT ngày 23/10/2024 ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2024 đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của Bộ Giáo dục và Đào tạo
4	Quyết định 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non
5	Quyết định số 3561/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2024 ban hành chương trình bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật
6	Quyết định số 3238/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng mạng máy tính của Bộ GDĐT

7	Quyết định 3814/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2024 ban hành Chương trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án và quyết định cá biệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025
8	Quyết định số 3480/QĐ-BGDĐT ngày 11/11/2024 về việc giá tối đa sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018
9	Quyết định số 4020/QĐ-BGDĐT ngày 17/12/2024 về việc ban hành Quy chế hoạt động đường dây nóng, hộp thư điện tử tiếp nhận thông tin về hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp đối với các đơn vị thực hiện chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo
10	Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong cơ quan quản lý giáo dục
11	Quyết định số 4056/QĐ-BGDĐT ngày 19/12/2024 ban hành Quy định về soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quyết định cá biệt thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ của Bộ Giáo dục và Đào tạo
12	Quyết định số 3809/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện và báo cáo thống kê định kỳ công tác tuyển dụng, điều động, tiếp nhận, biệt phái, chuyển công tác, thôi việc đối với công chức, viên chức của Bộ GDĐT.
13	Quyết định số 4222/QĐ-BGDĐT ngày 27/12/2024 ban hành Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi
14	Quyết định số 4326/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2024 ban hành Bộ mẫu thiết bị dạy học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh
15	Quyết định số 280/QĐ-BGDĐT ngày 23/01/2025 công bố các Danh mục văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ GDĐT hết hiệu lực năm 2024
16	Quyết định 389/QĐ-BGDĐT ngày 14/02/2025 ban hành Kế hoạch triển khai công tác pháp chế năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
17	Quyết định 925/QĐ-BGDĐT ngày 08/4/2025 ban hành Kế hoạch nhiệm vụ năm 2025 (thay thế)
18	Quyết định số 1063/QĐ-BGDĐT ngày 18/4/2025 ban hành Chương trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quyết định cá biệt năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thay thế)
19	Quyết định số 1341/QĐ-BGDĐT ngày 13/4/2025 ban hành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông
20	Quyết định số 1521/QĐ-BGDĐT ngày 03/6/2025 sửa đổi Quy định phân cấp việc quản lý, sử dụng tài sản công các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo
21	Quyết định số 1626/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2025 điều chỉnh, bổ sung Chương trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đề án và quyết định cá biệt năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo